



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

SỔ TAY THANH TRA

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	4
I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, HOẠT ĐỘNG THANH TRA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	5
1. Lịch sử hình thành và vai trò của thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư	5
2. Tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	5
2.1. Hệ thống tổ chức	
2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn	Error! Bookmark not defined.
3. Hoạt động của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	6
4. Sơ lược kết quả hoạt động thanh tra của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư từ khi thành lập đến nay.....	7
5. Các đoàn thanh tra đã thực hiện và tham gia trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay	8
II. QUY TRÌNH, NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	11
1. Yêu cầu cơ bản tiến hành cuộc thanh tra.....	11
1.1. Nguyên tắc chung.....	11
1.2. Căn cứ xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra	11
1.3. Căn cứ ra quyết định thanh, kiểm tra	11
1.4. Tiêu chuẩn thành viên đoàn thanh tra	12
1.5. Bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thanh tra.....	13
1.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra.....	14
1.8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Đoàn thanh tra.....	15
1.9. Quyền của đối tượng thanh tra.....	16
1.10. Nghĩa vụ của đối tượng thanh tra.....	16
1.11. Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra	16
1.12. Thực hiện kết luận thanh tra.....	16
1.13. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra	17
2. Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư.....	19

2.1. Chuẩn bị thanh tra	22
2.2. Tiến hành thanh tra.....	23
2.3. Kết thúc cuộc thanh tra	
3. Xử lý chòng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra	31
4. Nội dung thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư	32
III. MỘT SỐ NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	32
1. Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công	37
2. Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đấu thầu	38
3. Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài	39
4. Nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.....	39
IV. MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VỀ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	40
V. MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THANH TRA CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ.....	71

LỜI GIỚI THIỆU

Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thanh tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi mà Sở được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Sở được thành lập trên cơ sở Chỉ thị số 29/2003/CT-TTg ngày 23/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước; văn bản số 1895 BKH/TTr-TCCB ngày 02/4/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 60/2004/QĐ-UB ngày 02/6/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sổ tay Thanh tra cung cấp cho công chức thanh tra và các phòng chuyên môn Sở Kế hoạch và Đầu tư những thông tin về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư; là tài liệu hướng dẫn chuyên môn về trình tự tiến hành một cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và thanh tra, kiểm tra hành chính. Ngoài ra, **Sổ tay Thanh tra** cũng tổng hợp một số nội dung lưu ý, tình huống xử lý tổng hợp được trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, HOẠT ĐỘNG THANH TRA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Lịch sử hình thành và vai trò của thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư được thành lập ngày 02/6/2004 theo Quyết định số 60/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2004 có 02 nhân sự gồm 01 Chánh Thanh tra và 01 cán bộ thanh tra. Đến nay Thanh tra Sở có 04 công chức, viên chức gồm 01 Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra và 02 công chức, viên chức thanh tra.

Theo quy định của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022; Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực thuộc hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh; chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ. Theo Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 27/02/2020 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Sở: Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Kế hoạch và Đầu tư, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trong lĩnh vực thanh tra, Thanh tra Sở giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của Thanh tra Sở, báo cáo Giám đốc Sở xem xét, quyết định trước khi gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra của Thanh tra Sở trong kế hoạch thanh tra của tỉnh; thanh tra hành chính đối với đơn vị, cá nhân thuộc Sở; thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi mà Sở được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước;

- Thanh tra vụ việc khác do Giám đốc Sở giao;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở và quyết định xử lý về thanh tra của Giám đốc Sở;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra.

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động thanh tra của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện theo quy định Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Bên cạnh các hoạt động thanh tra được quy định tại các văn bản nêu trên, Thanh tra Sở còn thực hiện các nhiệm vụ được Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo quy định như:

- Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra trong hoạt động thanh tra có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật; quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

- Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra có trách nhiệm xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp **khi được giao**; xem xét việc giải quyết tố cáo mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp dưới trực tiếp của cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp xem xét, giải quyết lại.

- Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cơ quan thanh tra giúp thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp **khi được giao**.

Giúp thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

4. Sơ lược kết quả hoạt động thanh tra của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư từ khi thành lập đến nay

- Về công tác thanh tra: Từ năm 2009 đến nay, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì thực hiện và tham gia 42 đoàn thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành về công tác đầu tư công, mua sắm trang thiết bị, đấu thầu trên địa bàn tỉnh. Qua các cuộc thanh tra do Thanh tra Sở chủ trì đã phát hiện sai phạm trong công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu với tổng số tiền 3.543.491.419 đồng; trong đó, kiến nghị giảm trừ thanh, quyết toán số tiền 1.474.832.790 đồng¹; thu hồi, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.033.658.629 đồng²; xử phạt vi phạm hành chính trong đấu thầu 35.000.000 đồng³; kiến nghị cấp thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu 01 nhà thầu vẫn lựa chọn nhà thầu và 02 nhà thầu thi công xây lắp trên địa bàn tỉnh từ 3 đến 5 năm.

- Về công tác tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo đến tháng 8/2024 tiếp nhận 509 đơn (60 đơn khiếu nại; 32 đơn tố cáo; 417 đơn phản ánh, kiến nghị, đề nghị). Trong đó, 48 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền; 11 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền; 279 đơn kiến nghị phản ánh, đề nghị thuộc thẩm quyền. Tất cả các đơn, thư tiếp nhận đã được phân loại, xử lý theo quy định.

- Về công tác kiểm tra sau đăng ký doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và vốn FDI, đến tháng 8/2024 đã tổ chức kiểm tra 671 doanh nghiệp, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 514 doanh nghiệp tổng số tiền 22.175.000.000 đồng; kiến nghị cấp thẩm quyền yêu cầu 01 doanh nghiệp chấm dứt ngay hoạt động ngành nghề sản xuất khi chưa thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định; kiến nghị Chi cục Thuế thành phố Dĩ An đóng mã số thuế đối với doanh nghiệp do người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; buộc đình chỉ 01 địa điểm kinh doanh không có đăng ký hoạt động; kiến nghị thu hồi 09 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và 01 giấy chứng nhận thành lập chi nhánh.

Từ những tồn tại, hạn chế được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét chấn chỉnh và xử lý nhiều trường hợp vi phạm, góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công, đấu thầu; lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đăng ký doanh nghiệp ... trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

¹Sở GTVT: 43.362.000 đồng; Sở VHNTDL: 149.448.265 đồng; Ban QLDA ngành NN&PTNT: 142.283.960 đồng; Ban QLDA ĐTXD huyện Dầu Tiếng: 133.717.565 đồng; Tinh đoàn Bình Dương: 1.066.021.000 đồng

² Ban QLDA ĐTXD thị xã Dĩ An: 156.249.000 đồng; Ban QLDA ĐTXD huyện Phú Giáo: 38.958.000 đồng; UBND huyện BTU: 132.444.064 đồng; Ban QLDA ĐTXD huyện Bàu Bàng: 61.550.000 đồng; Ban QLDA ĐTXD huyện Dầu Tiếng: 282.717.565 đồng; Ban QLDA ĐTXD tỉnh: 1.361.740.000 đồng

³ Công ty TNHH Xây dựng Tư vấn Thiết kế Minh Hà.

5. Các đoàn thanh, kiểm tra đã thực hiện và tham gia trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay

- Đoàn thanh tra dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh (ĐT 744) do Sở Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2009);
- Tham gia Đoàn thanh tra về công tác quản lý tài chính tại Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2010);
- Đoàn thanh tra thực hiện đấu thầu Xây dựng mới cầu Ông Cộ trên ĐT 744 và Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính huyện Bến Cát do Sở Giao thông Vận tải làm Chủ đầu tư (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2012);
- Đoàn thanh tra tình hình phân cấp quản lý đầu tư và lập kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2012 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2013);
- Đoàn thanh tra tình hình phân cấp quản lý đầu tư và lập kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2011-2013 theo Chi thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện đấu thầu trên địa bàn huyện Dầu Tiếng (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2014);
- Tham gia Đoàn thanh tra dự án Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật, cô đơn (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2013);
- Tham gia Đoàn kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại nằm trong các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Tân Uyên (do Sở Tài nguyên – Môi trường chủ trì năm 2013);
- Tham gia đoàn thanh tra việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng và kế hoạch tài chính ngân sách, đầu tư mua sắm tài sản công năm 2010-2011 tại Sở Y tế (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2014);
- Tham gia Đoàn thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản các thiết chế văn hóa trên địa bàn thị xã Tân Uyên (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2015);
- Tham gia Đoàn thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản các thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện Phú Giáo (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2015);
- Tham gia đoàn thanh tra quản lý sử dụng ngân sách về đầu tư xây dựng cơ bản tại UBND thị xã Bến Cát (Thanh tra tỉnh chủ trì thực hiện năm 2015);
- Thanh tra công tác tổ chức thực hiện đấu thầu thi công xây lắp công trình Trung tâm hỗ trợ thanh niên, công nhân và lao động trẻ tỉnh Bình Dương (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2015);
- Tham gia đoàn thanh tra công tác đấu thầu và quản lý sử dụng thuốc tại các đơn vị có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, nguồn quỹ BHYT và các nguồn thu hợp pháp khác phục vụ nhu cầu công tác phòng bệnh, khám bệnh và chữa bệnh (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2016);

- Tham gia đoàn thanh tra chuyên đề diện rộng về tăng cường quản lý và xử lý nợ đọng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ trên địa bàn Thuận An; Thủ Dầu Một; Dĩ An và Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2016);

- Tham gia đoàn thanh tra tình hình đầu tư, quản lý và khai thác sử dụng các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn tỉnh (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2016);

- Tham gia đoàn thanh tra tình hình hoạt động và thực hiện dự án tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2016);

- Tham gia đoàn thanh tra hoạt động đầu tư mua sắm, đấu thầu, quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế của tỉnh (UBND huyện Phú Giáo; UBND thị xã Bến Cát và Bệnh viện điều dưỡng, phục hồi chức năng) do Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2016;

- Thanh tra công tác tổ chức thực hiện đấu thầu thi công xây lắp công trình Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Bình Dương (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2016);

- Kiểm tra thực hiện lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2016);

- Thanh tra công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2016-2017), thực hiện dự án, đấu thầu thi công xây lắp trên địa bàn thị xã Dĩ An (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2017);

- Tham gia Đoàn thanh tra quản lý đầu tư xây dựng các công trình văn hóa – xã hội trên địa bàn thành phố Thuận An (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2017);

- Tham gia đoàn thanh tra tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thị xã Bến Cát (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2017);

- Thanh tra công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2016-2017), đấu thầu thi công xây lắp trên địa bàn huyện Phú Giáo (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì năm 2017);

- Thanh tra công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2017-2018), đấu thầu thi công xây lắp trên địa bàn thị xã Tân Uyên (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì năm 2018);

- Thanh tra công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2017-2018), đấu thầu thi công xây lắp trên địa bàn huyện Bàu Bàng (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì năm 2018);

- Tham gia Đoàn thanh tra theo Quyết định số 1286/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015-2017, và kiểm tra việc cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư giai đoạn 2015-2018 tại tỉnh Bình Dương (Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì năm 2018);

- Kiểm tra hành chính về việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, văn hóa giao tiếp, văn hóa công sở phòng Đăng ký kinh doanh (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2019);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2016-2018); công tác đấu thầu xây lắp, thiết bị trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2019);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư (Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2019);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (2016-2018), đấu thầu xây lắp, thiết bị trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên (Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2019);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật đầu tư công trung hạn và hằng năm, công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư công tại Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2019).

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật đầu tư công trung hạn và hằng năm, công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư công tại UBND huyện Dầu Tiếng (Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2020);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; công tác tổ chức đấu thầu các dự án đầu tư công tại Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh (Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2020);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; công tác đấu thầu các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Thuận An (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2021);

- Tham gia Tổ công tác kiểm tra đầu tư, mua sắm trang thiết bị giáo dục giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định của UBND tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì;

- Tham gia đoàn thanh tra Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong Trường phổ thông giai đoạn 2012 - 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương” và việc mua sắm trang thiết bị theo mô hình trường học thông minh tại Sở Giáo dục và Đào tạo (do thanh tra tỉnh chủ trì năm 2020);

- Tham gia Đoàn thanh tra việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các công trình giáo dục trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một và huyện Bàu Bàng (do Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2020);

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về giám sát và đánh giá dự án đầu tư công trên địa bàn thị xã Tân Uyên và thành phố Dĩ An (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2020);

- Tham gia đoàn thanh tra việc mua sắm trang thiết bị vật tư y tế, sinh phẩm, kit xét nghiệm, vaccine, thuốc phòng chống dịch Covid-19 tại Sở Y tế, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và một số đơn vị, tổ chức có liên quan (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2022).

- Tham gia đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật trong việc triển khai, thực hiện các dự án đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị ngành giáo dục liên quan đến Công ty Cổ phần tiến bộ Quốc tế AIC do Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư giai đoạn 2011-2021 (Thanh tra tỉnh chủ trì năm 2023).

- Thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng đối với phòng Đăng ký kinh doanh (Thanh tra Sở thực hiện năm 2024);

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Phú Giáo (Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 2024).

II. QUY TRÌNH, NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Yêu cầu cơ bản tiến hành cuộc thanh tra

1.1. Nguyên tắc chung

- Tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

- Không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra.

- Không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

1.2. Căn cứ xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch thanh, kiểm tra phải căn cứ vào định hướng, chương trình thanh tra, hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên, yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực ở địa phương

- Kế hoạch thanh, kiểm tra đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp giữa Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở và Thanh tra huyện, Kiểm toán Nhà nước.

1.3. Căn cứ ra quyết định thanh, kiểm tra

- Kế hoạch thanh, kiểm tra;

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

- Yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực;

- Căn cứ khác có liên quan theo quy định pháp luật

1.4. Tiêu chuẩn thành viên đoàn thanh tra

a) Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra

Đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Sở thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từ Thanh tra viên trở lên, đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc thanh tra;

- Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung, lĩnh vực được thanh tra;

- Có khả năng tổ chức, điều hành, hướng dẫn các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

b) Tiêu chuẩn của thành viên đoàn thanh tra

Người được trưng tập tham gia đoàn thanh tra phải có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra của cơ quan trưng tập.

c) Các trường hợp không được tham gia đoàn thanh tra

- Người góp vốn vào doanh nghiệp, có cổ phần tại doanh nghiệp là đối tượng thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Người có vợ, chồng, bố, mẹ đẻ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác nhân sự, kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra;

- Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Người bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích.

d) Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm trưởng đoàn thanh tra, phó trưởng đoàn thanh tra

- Thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

- Người có vợ, chồng, bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng, con, anh, chị, em ruột hoặc anh, chị, em ruột của chồng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra;

1.5. Bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thanh tra⁴

- Hoạt động thanh tra thực hiện theo chế độ thủ trưởng. Thành viên Đoàn thanh tra phải chấp hành quyết định, chỉ đạo của Trưởng đoàn thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra phải chấp hành quyết định, chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra.

- Người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra có quyền bảo lưu ý kiến về kết quả thanh tra của mình.

1.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra⁵

a) Người ra quyết định thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung quyết định thanh tra;

- Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra;

- Quyết định việc trưng cầu giám định về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;

- Quyết định hoặc yêu cầu người có thẩm quyền quyết định tạm giữ tài sản, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị sử dụng trái pháp luật;

- Đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hành vi vi phạm;

- Yêu cầu tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra; đề nghị cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, cơ quan khác có thẩm quyền có biện pháp để ngăn chặn kịp thời đối tượng thanh tra có hành vi hủy hoại, tẩu tán tài sản hoặc để bảo đảm thực hiện quyết định thu hồi tài sản của Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước;

- Quyết định kiểm kê tài sản;

- Quyết định thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái pháp luật hoặc bị thất thoát;

- Kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác, cho thôi việc, cho nghỉ hưu đối với đối tượng thanh tra hoặc người

⁴ Điều 53 Luật Thanh tra năm 2022

⁵ Điều 80 Luật Thanh tra năm 2022

cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra nếu có căn cứ cho rằng việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho hoạt động thanh tra;

- Kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ công tác và xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức cố ý cản trở hoạt động thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định thanh tra;

- Quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý kết quả thanh tra; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quyết định xử lý về thanh tra;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến trách nhiệm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra;

- Đình chỉ, thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra;

- Ban hành kết luận thanh tra;

- Chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan cùng với văn bản kiến nghị khởi tố sang cơ quan điều tra khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật này;

- Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của luật.

b). Khi việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm d, đ, e, i và k khoản 1 Điều này không còn cần thiết thì người ra quyết định thanh tra phải quyết định hoặc kiến nghị hủy bỏ ngay việc áp dụng biện pháp đó.

1.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra⁶

Trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung quyết định thanh tra;

b) Kiến nghị người ra quyết định thanh tra áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích thanh tra;

c) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra;

d) Yêu cầu, đề nghị người có thẩm quyền quyết định việc tạm giữ tài sản, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị sử dụng trái pháp luật; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ tài sản kiểm kê;

⁶ Điều 81 Luật Thanh tra năm 2022

đ) Yêu cầu tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra; đề nghị cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, cơ quan khác có thẩm quyền có biện pháp để ngăn chặn kịp thời đối tượng thanh tra có hành vi hủy hoại, tẩu tán tài sản;

e) Quyết định niêm phong tài liệu;

g) Quyết định kiểm kê tài sản;

h) Đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hành vi vi phạm;

i) Kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác, cho thôi việc, cho nghỉ hưu đối với đối tượng thanh tra hoặc người cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra nếu có căn cứ cho rằng việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho hoạt động thanh tra;

k) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền;

l) Báo cáo người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó;

m) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Khi việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm d, đ, e, h và i khoản 1 Điều này không còn cần thiết thì Trưởng đoàn thanh tra phải quyết định hoặc kiến nghị hủy bỏ ngay việc áp dụng biện pháp đó.

1.8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Đoàn thanh tra⁷

Thành viên khác của Đoàn thanh tra là Thanh tra viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra;

- Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra;

- Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền;

- Kiến nghị Trưởng đoàn thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật này để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Báo cáo Trưởng đoàn thanh tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn thanh tra và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung đã báo cáo;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của luật.

Thành viên khác của Đoàn thanh tra không phải là Thanh tra viên có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 1 Điều này.

⁷ Điều 82 Luật Thanh tra năm 2022

1.9. Nghĩa vụ của đối tượng thanh tra⁸

a) Chấp hành quyết định thanh tra.

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người tiến hành thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

c) Thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của người tiến hành thanh tra và của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

1.10. Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra⁹

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.

Trong trường hợp cần thiết, người ra quyết định thanh tra ra quyết định giao công chức hoặc thành lập Tổ giám sát thực hiện giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, trong đó xác định rõ nội dung, thành phần, thời gian và phương thức giám sát. Quyết định giám sát được ban hành cùng thời điểm ban hành quyết định thanh tra hoặc trong quá trình tiến hành thanh tra khi có thông tin, phản ánh, kiến nghị, tố cáo về hoạt động của Đoàn thanh tra.

Nội dung giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra:

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra.

- Việc chấp hành chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra; việc thực hiện quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra; việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo.

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về các hành vi bị nghiêm cấm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra; việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong hoạt động của Đoàn thanh tra.

1.11. Quyền của đối tượng thanh tra¹⁰

a) Đối tượng thanh tra có quyền sau đây:

- Giải trình về vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra;

- Khiếu nại về quyết định, hành vi của người tiến hành thanh tra trong quá trình thanh tra; khiếu nại quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại; kiến nghị về nội dung trong kết luận thanh tra khi cho rằng nội dung đó chưa chính xác;

⁸ Điều 93 Luật Thanh tra năm 2022.

⁹ Điều 97 Luật Thanh tra năm 2022

¹⁰ Điều 92 Luật Thanh tra năm 2022

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của người tiến hành thanh tra theo quy định của pháp luật về tố cáo.

1.12. Thực hiện kết luận thanh tra¹¹

a) Thủ trưởng cơ quan thanh tra phải có văn bản kiến nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp để chỉ đạo việc thực hiện nội dung kết luận thanh tra.

Văn bản kiến nghị phải được gửi đồng thời với kết luận thanh tra, trong đó đề xuất cách thức, biện pháp tổ chức thực hiện đối với các kiến nghị trong kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phải ban hành văn bản tổ chức thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra. Văn bản tổ chức thực hiện có các nội dung sau đây:

- Xử lý hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm về kinh tế;

- Xử lý hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật;

- Áp dụng hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

1.13. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra¹²

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; lạm quyền trong quá trình tiến hành thanh tra.

- Thanh tra không đúng thẩm quyền, không đúng với nội dung quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt.

- Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật phải tiến hành thanh tra; bao che cho đối tượng thanh tra; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật; không kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện qua thanh tra đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

- Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ trong hoạt động thanh tra.

- Tiết lộ thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc thanh tra khi kết luận thanh tra chưa được công khai.

¹¹ Điều 102 Luật Thanh tra năm 2022.

¹² Điều 8 Luật Thanh tra năm 2022

- Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra; tác động làm sai lệch kết quả thanh tra, kết luận, kiến nghị thanh tra.

- Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ, không trung thực, thiếu chính xác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

- Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người tiến hành thanh tra, người thực hiện giám sát, người thực hiện thẩm định, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra.

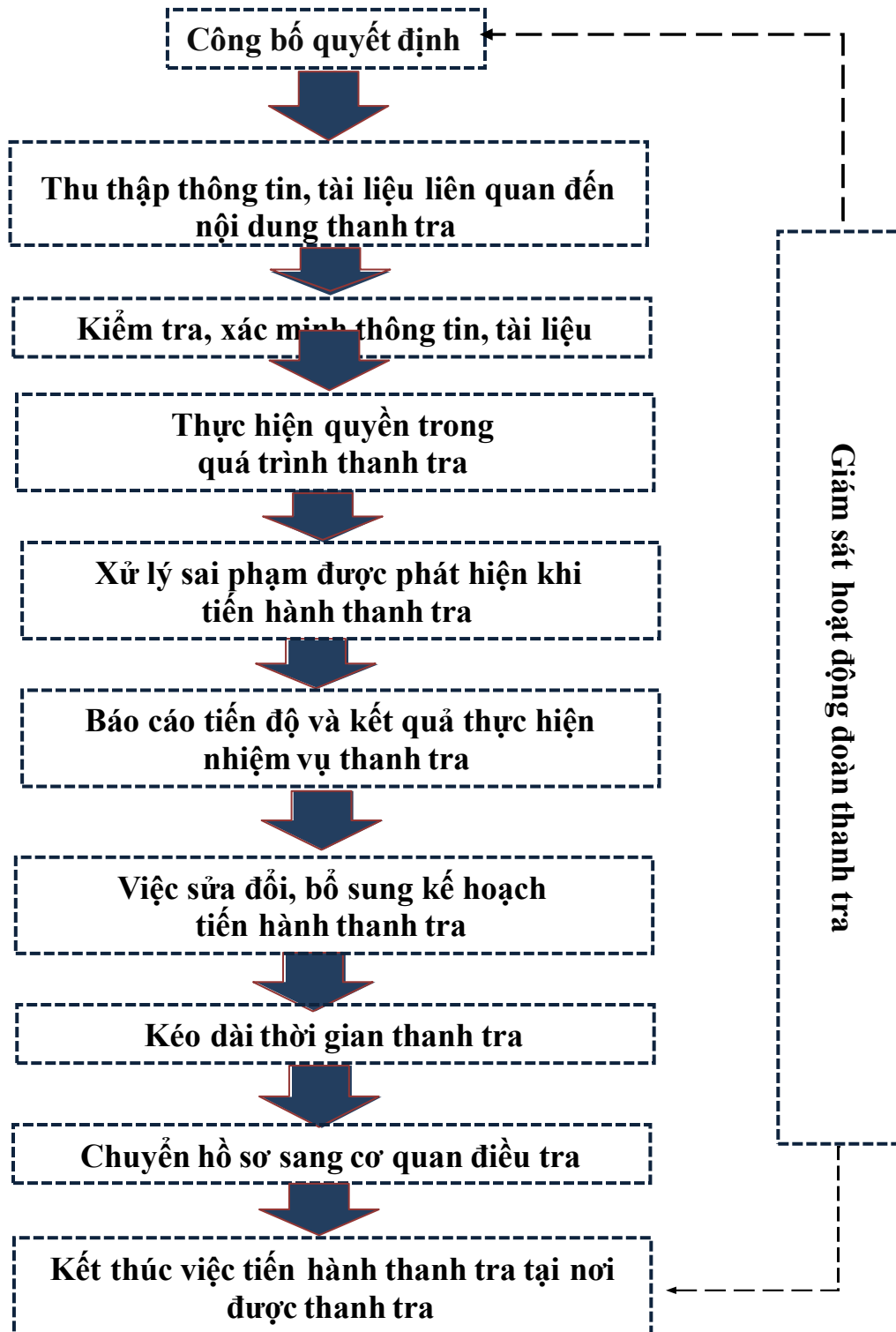
- Hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của luật.

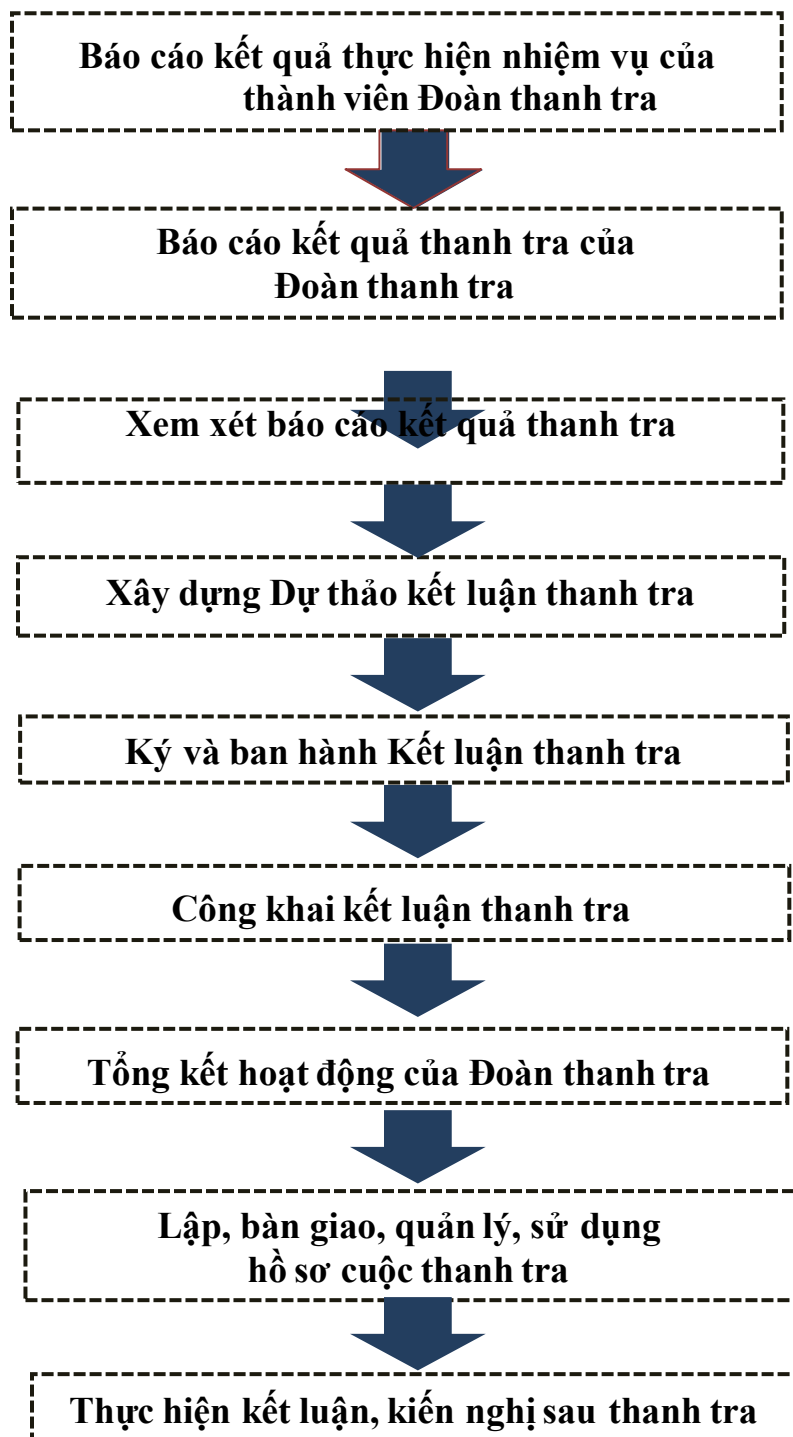
2. Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư



BƯỚC 1: CHUẨN BỊ THANH TRA



BƯỚC 2: TIẾN HÀNH THANH TRA

BƯỚC 3: KẾT THÚC THANH TRA

2.1. Chuẩn bị thanh tra

Chuẩn bị thanh tra được tính từ khi khảo sát ban đầu cho đến khi Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên bắt đầu trực tiếp làm việc tại cơ quan đối tượng thanh tra.

a) Thu thập thông tin, tài liệu, nắm tình hình để ban hành quyết định thanh tra (khảo sát)

Chuẩn bị thanh tra là một trong những nội dung rất quan trọng trong quá trình thanh tra. Nếu làm tốt khâu chuẩn bị thanh tra thì đã đạt được khoảng 30%-40% kết quả của cuộc thanh tra.

Nội dung bước chuẩn bị thanh tra gồm:

Đây là hoạt động đầu tiên, cần thiết và rất quan trọng trong bước chuẩn bị thanh tra. Trước khi ban hành quyết định thanh tra, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Chánh Thanh tra phân công công chức thu thập thông tin có liên quan để làm rõ sự cần thiết tiến hành thanh tra, bảo đảm việc thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, trùng lặp. Chánh Thanh tra ban hành văn bản thành lập Tổ khảo sát. Thời gian thực hiện khảo sát của Tổ công tác không quá 15 ngày làm việc.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc khảo sát Tổ công tác có báo cáo bằng văn bản về kết quả khảo sát.

Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu trong quá trình khảo sát:

- Thu thập thông tin, tài liệu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến được thanh tra; tại các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực liên quan đến nội dung thanh tra.

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin từ báo chí, đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến nội dung dự kiến thanh tra.

- Khi cần thiết, làm việc trực tiếp với những người có liên quan.

b) Ban hành quyết định thanh tra

Thủ trưởng cơ quan thanh tra ban hành quyết định thanh tra và chỉ đạo Trưởng đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra.

Thời hạn thanh tra ghi tại quyết định thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra đến ngày kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra. Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Sở tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

c) Xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra

Kế hoạch tiến hành thanh tra là tài liệu nội bộ của Đoàn thanh tra thể hiện phương án của Đoàn thanh tra để triển khai thực hiện quyết định thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra, trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt.

Nội dung của Kế hoạch thanh tra gồm:

- Mục đích, yêu cầu;
- Phạm vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ thanh tra, thời hạn thanh tra;
- Phương pháp tiến hành thanh tra;
- Tiến độ thực hiện;
- Chế độ thông tin, báo cáo;
- Việc sử dụng phương tiện, kinh phí và điều kiện vật chất khác phục vụ hoạt động của Đoàn thanh tra.

Trưởng đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Đoàn thanh tra.

d) Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo

- Căn cứ nội dung thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra chuẩn bị báo cáo về nội dung thanh tra theo đề cương yêu cầu báo cáo. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ nội dung, hình thức báo cáo và thời hạn báo cáo.

đ) Thông báo về việc công bố quyết định thanh tra

- Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đối tượng thanh tra về việc công bố quyết định thanh tra; văn bản thông báo phải nêu rõ địa điểm, thời gian, thành phần tham dự.

- Đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm cần phải tiến hành thanh tra ngay thì không thông báo việc công bố quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra.

2.2. Tiến hành thanh tra trực tiếp

Trực tiếp tiến hành thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra cho đến khi kết thúc việc thanh tra tại đơn vị là đối tượng thanh tra. Thời hạn thanh tra cụ thể được ghi trong quyết định thanh tra. Nếu cần kéo dài thời hạn tiến hành thanh tra thì người ra quyết định thanh tra phải có quyết định gia hạn cuộc thanh tra bằng văn bản và không được quá thời hạn quy định.

2.2.1 Công bố quyết định thanh tra¹³

Trưởng đoàn thanh tra hoặc người ra quyết định thanh tra chủ trì việc công bố quyết định thanh tra.

¹³ Điều 64 Luật Thanh tra năm 2022

Thành phần tham dự buổi công bố quyết định thanh tra bao gồm: Đoàn thanh tra, đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn thanh tra mời đại diện lãnh đạo cơ quan tiến hành thanh tra, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham dự buổi công bố quyết định thanh tra.

2.2.2 Địa điểm, thời gian làm việc của Đoàn thanh tra¹⁴

Đoàn thanh tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra, trụ sở cơ quan tiến hành thanh tra hoặc tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành thanh tra.

Địa điểm, thời gian làm việc của Đoàn thanh tra và việc thay đổi địa điểm, thời gian làm việc phải được thông báo trước đến đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.2.3 Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra¹⁵

Trong quá trình thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo đề cương; yêu cầu đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra.

Đối với hồ sơ, tài liệu không cần thu giữ thì người nhận hồ sơ, tài liệu có trách nhiệm trả lại đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thời gian trả lại chậm nhất là khi kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp. Việc giao nhận, trả lại hồ sơ, tài liệu phải được lập thành biên bản.

2.2.4 Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu¹⁶

Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu thông tin, tài liệu đã thu thập được; đánh giá việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra liên quan đến nội dung thanh tra được phân công.

Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên có quyền yêu cầu người có trách nhiệm, người có liên quan giải trình về những vấn đề chưa rõ; trường hợp cần làm việc trực tiếp với đối tượng thanh tra, người có liên quan thì Thanh tra viên báo cáo Trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu, làm rõ vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra thì Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra mời đối tượng thanh tra, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến làm việc hoặc yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

2.3. Thực hiện quyền trong quá trình thanh tra

¹⁴ Điều 65 Luật Thanh tra năm 2022

¹⁵ Điều 66 Luật Thanh tra năm 2022

¹⁶ Điều 67 Luật Thanh tra năm 2022

- Trong quá trình thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra là Thanh tra viên có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra .

- Trong quá trình thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra là Thanh tra viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra .

- Trường hợp xét thấy cần bảo đảm nguyên trạng tài liệu thì Trưởng đoàn thanh tra ra quyết định niêm phong tài liệu .

- Trường hợp cần kiểm kê tài sản thì Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra quyết định kiểm kê tài sản .

- Khi cần đánh giá về nội dung liên quan đến chuyên môn - kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận thì Trưởng đoàn thanh tra đề nghị người ra quyết định thanh tra quyết định việc trưng cầu giám định .

- Trong quá trình thanh tra, khi phát hiện có hành vi vi phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm hoặc kiến nghị người có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm .

- Trong quá trình thanh tra, khi phát hiện việc sử dụng trái pháp luật tài sản, giấy phép, chứng chỉ hành nghề mà cần phải ngăn chặn ngay hoặc để xác minh tình tiết làm chứng cứ cho việc kết luận, xử lý thì Trưởng đoàn thanh tra đề nghị người ra quyết định thanh tra hoặc người có thẩm quyền quyết định tạm giữ tài sản, giấy phép, chứng chỉ hành nghề .

- Khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra tẩu tán tài sản, không thực hiện quyết định tạm giữ tài sản, quyết định thu hồi tài sản của người có thẩm quyền quy định tại Điều 89 và Điều 91 Luật Thanh tra năm 2022 thì người ra quyết định thanh tra yêu cầu tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản phong tỏa tài khoản để phục vụ việc thanh tra. Trong quá trình thanh tra, khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra tẩu tán tài sản thì Trưởng đoàn thanh tra yêu cầu tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản phong tỏa tài khoản để phục vụ việc thanh tra .

- Người ra quyết định thanh tra ra quyết định thu hồi tài sản khi đối tượng thanh tra có hành vi chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái pháp luật hoặc làm thất thoát tài sản của Nhà nước mà không phải đợi kết luận thanh tra, trừ trường hợp luật có quy định khác .

2.3.1. Xử lý sai phạm trong quá trình tiến hành thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phát hiện hành vi vi phạm hành chính thì buộc chấm dứt hành vi vi phạm đó, xem xét áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, tiến hành xử phạt ngay theo quy định của Luật Xử lý

vi phạm hành chính mà không phải đợi kết luận thanh tra; trong trường hợp vi phạm của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thuộc thẩm quyền xử lý của mình thì Trưởng đoàn thanh tra kiến nghị người ra quyết định thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo để người ra quyết định thanh tra chuyển ngay hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan cùng với văn bản kiến nghị khởi tố cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp biết.

2.3.2. Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra

Theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của Trưởng đoàn thanh tra, từng thành viên đoàn thanh tra, tổ trưởng (nếu có) báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Trưởng đoàn thanh tra. Trường hợp phát hiện những vấn đề cần xử lý ngay thì kịp thời báo cáo Trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định

Trưởng đoàn thanh tra báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với người ra quyết định thanh tra theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, có ý kiến chỉ đạo cụ thể, trực tiếp về báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ, xử lý kịp thời kiến nghị của trưởng đoàn thanh tra.

2.3.3 Sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch tiến hành thanh tra

Trong quá trình thanh tra, người ra quyết định thanh tra có thể sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch tiến hành thanh tra theo đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra hoặc theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp.

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm thông báo nội dung sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra đến các thành viên Đoàn thanh tra.

2.3.4. Kéo dài thời gian thanh tra

Trường hợp nội dung thanh tra phức tạp, liên quan đến trách nhiệm nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân cần kéo dài thời gian thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có văn bản đề nghị người ra quyết định thanh tra gia hạn thời gian thanh tra. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian thanh tra phải nêu rõ lý do, thời gian kéo dài.

Căn cứ vào đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định gia hạn thời gian thanh tra. Quyết định gia hạn thời gian thanh tra được gửi cho đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.3.5. Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra

Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo để người ra quyết định thanh tra chuyển ngay hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan cùng với văn bản kiến nghị khởi tố cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật và thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết.

2.3.6. Tạm dừng cuộc thanh tra

- Người ra quyết định thanh tra quyết định tạm dừng cuộc thanh tra trong trường hợp sau đây:

- a) Có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện cuộc thanh tra;
- b) Đối tượng thanh tra đề nghị tạm dừng cuộc thanh tra mà có lý do chính đáng và được người ra quyết định thanh tra đồng ý; trong trường hợp này, thời hạn tạm dừng cuộc thanh tra không quá 30 ngày.

- Người ra quyết định thanh tra quyết định tiếp tục cuộc thanh tra khi lý do của việc tạm dừng cuộc thanh tra không còn hoặc hết thời hạn tạm dừng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2.3.7. Đình chỉ cuộc thanh tra

Người ra quyết định thanh tra ra quyết định đình chỉ cuộc thanh tra trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối tượng thanh tra là cá nhân đã chết; cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc phá sản mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào kế thừa quyền và nghĩa vụ;
- b) Nội dung thanh tra đã được cơ quan thanh tra cấp trên kết luận;
- c) Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về cùng nội dung thanh tra;
- d) Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp có văn bản yêu cầu đình chỉ cuộc thanh tra;

2.3.8. Kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp

Trước khi kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp tại nơi được thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định thanh tra và thông báo bằng văn bản cho đối tượng thanh tra biết; trường hợp cần thiết thì tổ chức buổi làm việc với đối tượng thanh tra để thông báo kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp.

2.4. Kết thúc cuộc thanh tra

2.4.1. Báo cáo kết quả thanh tra:

Sau khi kết thúc việc tiến hành thanh tra trực tiếp, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thanh tra gửi đến người ra quyết định thanh tra. Người ra quyết định thanh tra xem xét, đánh giá các nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định thanh

tra yêu cầu Trưởng đoàn thanh tra làm rõ hoặc bổ sung nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra

2.4.2. Xây dựng dự thảo kết luận thanh tra

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra giao Trưởng đoàn thanh tra xây dựng dự thảo kết luận thanh tra. Dự thảo kết luận thanh tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 78 của Luật này.

- Trong quá trình xây dựng dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có quyền yêu cầu Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra báo cáo, yêu cầu đối tượng thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình, làm rõ thêm những vấn đề dự kiến kết luận về nội dung thanh tra;

- Việc giải trình phải thực hiện bằng văn bản kèm theo thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung giải trình. Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với người ra quyết định thanh tra xử lý nội dung giải trình của đối tượng thanh tra.

- Dự thảo kết luận thanh tra được gửi đến thành viên khác của Đoàn thanh tra để tham gia ý kiến trước khi trình người ra quyết định thanh tra. Thành viên khác của Đoàn thanh tra có quyền bảo lưu ý kiến về nội dung dự thảo kết luận thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra có quyền bảo lưu ý kiến về nội dung trong kết luận thanh tra trước người ra quyết định thanh tra. Ý kiến bảo lưu được thể hiện bằng văn bản gửi kèm theo dự thảo kết luận thanh tra.

2.4.3. Tham khảo ý kiến về dự thảo kết luận thanh tra (nếu cần thiết)

Trong quá trình xây dựng dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có thể quyết định việc xin ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về một hoặc một số nội dung của dự thảo kết luận thanh tra. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được đề nghị có văn bản trả lời về nội dung được xin ý kiến trong thời hạn theo đề nghị của người ra quyết định thanh tra.

2.4.4. Ban hành kết luận thanh tra

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký ban hành kết luận thanh tra và chịu trách nhiệm về kết luận, kiến nghị của mình. Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra để bảo đảm việc ban hành kết luận thanh tra đúng thời hạn theo quy định.

- Đối với dự thảo kết luận thanh tra về vụ việc liên quan đến an ninh, quốc phòng, vụ việc quan trọng, phức tạp thuộc diện chỉ đạo, theo dõi của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh hoặc có yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp thì người ra quyết định thanh tra phải có văn bản báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo; trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước không trả lời hoặc không có ý kiến khác với dự thảo kết luận thanh tra thì người ra quyết định thanh tra ban hành ngay kết luận thanh tra. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản yêu cầu bổ sung, làm rõ về nội dung dự thảo kết luận thanh tra thì chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đó, người ra quyết định thanh tra phải hoàn thiện, ban hành kết luận thanh tra.

2.4.5. Công khai kết luận thanh tra

- Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và một trong các hình thức quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Điều này.

- Kết luận thanh tra phải được công khai toàn văn, trừ nội dung thuộc bí mật Nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật.

- Hình thức công khai kết luận thanh tra bao gồm:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp;

b) Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo;

c) Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng.

d) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra.

2.4.6. Tổng kết hoạt động đoàn thanh tra

Sau khi có kết luận thanh tra, trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức họp đoàn thanh tra để tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động của đoàn thanh tra.

2.4.7. Lập, bàn giao, quản lý sử dụng hồ sơ thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ cuộc thanh tra, bàn giao hồ sơ thanh tra cho cơ quan trực tiếp quản lý trưởng đoàn thanh tra. Việc bàn giao hồ sơ thanh tra cho đơn vị lưu trữ được lập thành biên bản.

2.4.8. Thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra

Chánh Thanh tra Sở phải có văn bản kiến nghị Giám đốc Sở để chỉ đạo việc thực hiện nội dung của kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra với Giám đốc Sở.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, Giám đốc Sở phải ban hành văn bản tổ chức thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra.

2.4.9. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chánh Thanh tra Sở, Giám đốc Sở có trách nhiệm chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, công khai việc thực hiện kết luận thanh tra và xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

- Thanh tra Sở có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của mình và của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

2.4.10. Xử lý vi phạm trong thực hiện kết luận thanh tra

- Người có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra mà không tổ chức thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2.4.11. Sổ nhật ký Đoàn thanh tra

- Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm ghi Sổ nhật ký Đoàn thanh tra một cách chính xác, khách quan, trung thực những nội dung có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra diễn ra từ khi công bố quyết định thanh tra đến khi ban hành kết luận thanh tra. Sổ nhật ký Đoàn thanh tra được lưu trữ trong Hồ sơ thanh tra.

- Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm quản lý Sổ nhật ký Đoàn thanh tra cùng với các tài liệu khác trong quá trình thanh tra.

2.4.12. Lập, bàn giao, quản lý, sử dụng hồ sơ thanh tra

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm chỉ đạo Trưởng đoàn thanh tra thực hiện việc lập hồ sơ thanh tra; kiểm tra việc lập, bàn giao hồ sơ thanh tra.

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức việc lập hồ sơ thanh tra; thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm lập hồ sơ thanh tra khi được Trưởng đoàn thanh tra phân công.

Hồ sơ cuộc thanh tra do Đoàn thanh tra tiến hành bao gồm:

- Quyết định thanh tra;
- Kế hoạch tiến hành thanh tra;
- Báo cáo kết quả thanh tra;
- Các văn bản kết luận, chỉ đạo xử lý, quyết định xử lý của người ra quyết định thanh tra hoặc cấp có thẩm quyền; văn bản thực hiện quyền của người ra quyết định thanh tra;
- Kết luận thanh tra;

- Tài liệu khác có liên quan trong quá trình thanh tra.

3. Xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra¹⁷

a) Khi tiến hành hoạt động thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, nếu phát hiện chồng chéo, trùng lặp, cơ quan thanh tra phối hợp với cơ quan Kiểm toán Nhà nước để xử lý theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước và Luật này, bảo đảm một nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân chỉ là đối tượng của một cơ quan thanh tra hoặc cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

b) Chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa các cơ quan thanh tra được xử lý như sau:

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra Chính phủ với cơ quan thanh tra khác thì Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các Thanh tra Bộ thì các Chánh Thanh tra Bộ trao đổi để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra Bộ với Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở hoặc Thanh tra huyện thì Chánh Thanh tra Bộ trao đổi với Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra sở hoặc Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Thanh tra Bộ tiến hành thanh tra;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra Bộ hoặc Thanh tra Tổng cục, Cục với cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ thì Chánh Thanh tra Bộ trao đổi với Thủ trưởng cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Chánh Thanh tra Bộ báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ với Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở hoặc Thanh tra huyện thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ trao đổi với Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra sở hoặc Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ tiến hành thanh tra;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra Tổng cục, Cục với Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở hoặc Thanh tra huyện thì Chánh Thanh tra Tổng cục, Cục trao đổi với Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra sở hoặc Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Thanh tra Tổng cục, Cục tiến hành thanh tra;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các Thanh tra Tổng cục, Cục trong cùng một Bộ thì các Chánh Thanh tra Tổng cục, Cục trao đổi để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét, quyết định;

¹⁷ Điều 55 Luật Thanh tra năm 2022

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra tỉnh với Thanh tra sở hoặc Thanh tra huyện thì Chánh Thanh tra tỉnh trao đổi với Chánh Thanh tra sở hoặc Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các Thanh tra sở thì các Chánh Thanh tra sở trao đổi để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xem xét, quyết định;

- Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của Thanh tra sở với Thanh tra huyện thì Chánh Thanh tra sở trao đổi với Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Thanh tra sở tiến hành thanh tra;

- Việc xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của cơ quan thanh tra của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với cơ quan thanh tra khác do Tổng Thanh tra Chính phủ quy định khi đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thành lập.

c) Việc xử lý chồng chéo, trùng lặp phát sinh trong hoạt động của các cơ quan thanh tra không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do Tổng Thanh tra Chính phủ quy định hoặc xem xét, xử lý.

4. Nội dung thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư

a) Thanh tra trong phạm vi mà sở được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước, cụ thể:

- Về quy hoạch và kế hoạch;
- Về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài;
- Về quản lý vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;
- Về phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;
- Về quản lý đấu thầu;
- Về doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp;
- Về kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế tư nhân;

b) Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

III. QUY TRÌNH, NỘI DUNG KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Những quy định chung

1.1. Nguyên tắc thực hiện

- Tuân thủ quy định pháp luật trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục.

- Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

1.2. Hình thức kiểm tra

- Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất.
- Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra hàng năm của UBND tỉnh và của Sở đã được phê duyệt.
- Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu phục vụ công tác quản lý Nhà nước do Giám đốc Sở quyết định.

1.3. Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra

Việc lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Kế hoạch kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.

1.4. Thời hạn kiểm tra

- Thời hạn kiểm tra không quá 30 ngày. Trường hợp phức tạp có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.
- Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra đến ngày kết thúc việc kiểm tra tại đơn vị được kiểm tra.

2. Quy trình tổ chức kiểm tra

Các bước chuẩn bị khi tiến hành kiểm tra

2.1. Thu thập thông tin, tài liệu của đối tượng dự kiến ban hành quyết định kiểm tra.

Thông tin, tài liệu của đối tượng dự kiến ban hành quyết định kiểm tra được thu thập tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; từ thông tin báo chí, đơn thư do Sở tiếp nhận hoặc theo yêu cầu công tác quản lý Nhà nước.

2.2. Ban hành quyết định kiểm tra

Căn cứ kế hoạch kiểm tra hàng năm hoặc ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở đối với các trường hợp kiểm tra đột xuất, Chánh Thanh tra Sở trình Giám đốc Sở ban hành Quyết định kiểm tra, thành lập Đoàn kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra phải từ Phó trưởng phòng trở lên; thành viên đoàn kiểm tra phải là công chức.

2.3. Xây dựng Kế hoạch tiến hành kiểm tra

- Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức xây dựng Kế hoạch tiến hành kiểm tra.

- Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: mục đích, yêu cầu; nội dung, đối tượng, thời hạn kiểm tra, thời kỳ kiểm tra; phương pháp tiến hành kiểm tra; việc tổ chức thực hiện kế hoạch tiến hành kiểm tra.

- Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải được Giám đốc Sở phê duyệt.

2.4. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo

Căn cứ Quyết định kiểm tra, kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, Trưởng đoàn kiểm tra tổ chức xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo.

Đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo phải được gửi cho đối tượng kiểm tra ít nhất 10 ngày trước ngày công bố quyết định kiểm tra.

2.5. Thông báo về việc công bố Quyết định kiểm tra

Căn cứ Quyết định kiểm tra, kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, Trưởng đoàn kiểm tra thông báo đến đối tượng kiểm tra về việc công bố Quyết định kiểm tra.

Thông báo về việc công bố Quyết định kiểm tra phải có các nội dung chủ yếu: thời gian, địa điểm, thành phần họp công bố Quyết định kiểm tra.

Thành phần họp công bố Quyết định kiểm tra gồm: thành viên Đoàn kiểm tra, Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của đối tượng kiểm tra, đại diện Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hoặc đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu cần thiết).

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của đối tượng kiểm tra ủy quyền cho cá nhân khác họp công bố Quyết định kiểm tra phải cung cấp văn bản ủy quyền hợp lệ theo quy định pháp luật.

3. Tiến hành kiểm tra

3.1. Công bố Quyết định kiểm tra

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm công bố Quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

Việc công bố Quyết định kiểm tra phải được lập thành biên bản và lưu trữ vào hồ sơ đoàn kiểm tra.

3.2. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra

- Trong quá trình kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra yêu cầu đơn vị kiểm tra báo cáo và cung cấp hồ sơ theo đề cương đã được phê duyệt. Đối với các tài liệu là bản sao không công chứng, đơn vị kiểm tra có trách nhiệm cung cấp bản chính để thành viên đoàn kiểm tra đối chiếu theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực.

- Trong trường hợp xét thấy cần thiết, đoàn kiểm tra có thể thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra tại các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.

3.3. Kiểm tra thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm tra; đánh giá việc thực hiện theo quy định pháp luật các nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra.

Trường hợp đã đủ cơ sở đánh giá việc thực hiện theo quy định pháp luật các nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập biên bản làm việc ghi nhận lại kết quả kiểm tra. Biên bản phải có chữ ký của thành viên Đoàn kiểm tra, người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của đối tượng kiểm tra.

3.4. Xử lý vi phạm hành chính được phát hiện trong quá trình kiểm tra

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện đối tượng kiểm tra có hành vi vi phạm hành chính thì Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra lập biên bản làm việc ghi nhận hành vi vi phạm để làm cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đối tượng kiểm tra không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điền chỉ vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản làm việc; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của thành viên đoàn kiểm tra thì Trưởng đoàn lập biên bản và lưu giữ tài liệu có liên quan đến hành vi vi phạm; báo cáo Giám đốc Sở xem xét, chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

4. Kết thúc kiểm tra

4.1. Báo cáo kết quả kiểm tra

a) Trưởng đoàn kiểm tra chủ trì xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra phải có ý kiến xác nhận của thành viên đoàn kiểm tra.

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn kiểm tra có thể lấy ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến nội dung kiểm tra để đánh giá kết quả kiểm tra.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung chủ yếu:

- Pháp lý của đối tượng kiểm tra;
- Khái quát quá trình kiểm tra;
- Kết quả kiểm tra;
- Đề xuất, kiến nghị.

4.2. Ban hành Kết luận kiểm tra

Căn cứ Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở xem xét, ký ban hành Kết luận kiểm tra. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở yêu cầu Trưởng

đoàn kiểm tra giải trình các nội dung liên quan trước khi ký ban hành.

4.3. Công khai Kết luận kiểm tra

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tham mưu Giám đốc Sở thực hiện việc công khai Kết luận kiểm tra và cung cấp Kết luận kiểm tra cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm tra.

b) Việc công khai Kết luận kiểm tra được thực hiện theo những hình thức sau:

- Công bố tại cuộc họp giữa Đoàn kiểm tra và đại diện đối tượng kiểm tra.
- Ngoài việc công khai Kết luận kiểm tra theo quy định nêu trên, Kết luận kiểm tra có thể được công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở ít nhất là 05 ngày (nếu cần thiết).

5. Tổ chức thực hiện Kết luận kiểm tra

5.1. Nguyên tắc thực hiện Kết luận kiểm tra

- Kết luận kiểm tra phải được tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật;
- Các kiến nghị, yêu cầu trong Kết luận kiểm tra phải được xem xét, xử lý kịp thời theo quy định pháp luật;
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận kiểm tra phải được tiến hành kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch.

5.2. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận kiểm tra; các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Kết luận kiểm tra; báo cáo Giám đốc Sở các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Kết luận kiểm tra (nếu có) và đề xuất phương hướng xử lý.

6. Hồ sơ kiểm tra

6.1. Việc kiểm tra phải được lập thành hồ sơ.

6.2. Hồ sơ kiểm tra do Đoàn kiểm tra tiến hành gồm có:

- Quyết định kiểm tra;
- Biên bản công bố Quyết định kiểm tra; Biên bản làm việc;
- Báo cáo, giải trình của đối tượng kiểm tra;
- Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra;
- Kết luận thanh tra;
- Tài liệu khác có liên quan: Kế hoạch tiến hành kiểm tra; đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo; thông báo về việc công bố Quyết định kiểm tra; ý kiến của thành viên đoàn kiểm tra đối với các nội dung kiểm tra,...

IV. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THANH TRA, KIỂM TRA HÀNH CHÍNH

1. Thanh tra Sở thực hiện thanh tra hành chính các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

2. Giám đốc Sở quyết định kiểm tra hành chính đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo yêu cầu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở.

3. Trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra hành chính thực hiện theo quy định pháp luật về thanh tra; trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc kiểm tra hành chính thực hiện như sau:

3.1. Chuẩn bị kiểm tra:

- a) Thu thập thông tin để chuẩn bị kiểm tra;
- b) Ban hành quyết định kiểm tra;
- c) Xây dựng và gửi đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo;
- d) Thông báo về việc công bố quyết định kiểm tra.

3.2. Tiến hành kiểm tra trực tiếp:

- a) Công bố quyết định kiểm tra;
- b) Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;
- c) Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu;
- d) Kết thúc việc tiến hành kiểm tra trực tiếp.

3.3. Kết thúc cuộc kiểm tra trực tiếp:

- a) Báo cáo kết quả kiểm tra;
- b) Xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra;
- c) Tham khảo ý kiến về dự thảo kết luận kiểm tra (nếu cần thiết);
- d) Ban hành kết luận kiểm tra;
- đ) Công khai kết luận kiểm tra.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THANH, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

1.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về lập kế hoạch, bố trí vốn đầu tư công bao gồm:

- Cơ sở lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án;
- Việc thực hiện quy trình lập, trình thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn đầu tư công;
- Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn;
- Việc thực hiện quy định về thời hạn giao kế hoạch vốn đầu tư công....

1.2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về triển khai thực hiện dự án đầu tư công gồm:

- Điều kiện, căn cứ lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C do địa phương quản lý.
- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng;
- Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch;
- Việc giải ngân vốn đầu tư công...;

1.3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực đấu thầu

2.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư gồm:

- Việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
- Việc thực hiện quy định về nội dung của Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
- Việc thực hiện quy định về điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

2.2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư gồm:

- Việc thực hiện quy định về lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

- Việc thực hiện quy định về đánh giá, thẩm định hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Việc thực hiện quy định về thời gian thực hiện các gói thầu, dự án theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đã được phê duyệt.

2.3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định khác về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

3. Nội dung thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài

- Việc thực hiện dự án của các nhà đầu tư gồm: thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định trong văn bản đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thực hiện quy định về chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn đầu tư của các dự án; thực hiện các quy định về tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện, điều chỉnh dự án (nếu có); thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư; thực hiện quy định về chấm dứt hoạt động, thanh lý, thu hồi dự án đầu tư.

- Công tác theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ về hoạt động đầu tư trên địa bàn;

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài.

4. Nội dung thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh

4.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về thành lập, đăng ký doanh nghiệp gồm:

a) Việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; việc thực hiện quy định về lưu hồ sơ, tài liệu, việc kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan việc thành lập, đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Việc thực hiện quy định về treo bảng hiệu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

d) Việc thực hiện quy định về đăng ký, góp vốn của doanh nghiệp, thời hạn góp vốn và Giấy chứng nhận phần vốn góp;

d) Thực hiện quy định về lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông;

e) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh.

4.2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành hoạt động của các loại hình doanh nghiệp bao gồm:

a) Việc thực hiện chế độ lưu giữ hồ sơ, tài liệu và con dấu tại trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Việc thành lập của ban kiểm soát (nếu có);

c) Việc thực hiện trình tự, thủ tục tiến hành họp đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

d) Việc bổ nhiệm người giữ chức danh quản lý, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp.

4.3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện các trình tự, thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp;

b) Việc thông báo chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

4.4. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về cung cấp, công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho phòng đăng ký kinh doanh theo quy định;

b) Việc thực hiện các quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;

c) Việc thực hiện các quy định về tạm ngừng kinh doanh, giải thể doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

d) Việc thực hiện thông báo khi cho thuê doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân.

4.5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

VI. MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VỀ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại các huyện, thị xã, thành phố

1.1. Dự kiến nội dung chính tiến hành thanh tra

a) Công tác ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

- Thống kê văn bản do địa phương ban hành về phân cấp, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện về ban hành các văn bản quy định về phân cấp quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công tại địa phương.

b) Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công

- Tổng hợp các dự án đã được phê duyệt giai đoạn 202...-202...; tổng số dự án, tổng vốn đầu tư, tổng giá trị khối lượng thực hiện; giá trị giải ngân, thanh, quyết toán bao gồm:

- + Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 202.. - 202...;

- + Các dự án có chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư năm 202...-202...,

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án không có cấu phần xây dựng;

- Đánh giá sự phù hợp của các dự án so với quy hoạch, kế hoạch được duyệt;

- Đánh giá về kết quả lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; kết quả điều chỉnh các dự án đã được phê duyệt.

c) Công tác lập, thẩm định nguồn vốn, phân bổ, bố trí vốn đầu tư

- Nhận xét, đánh giá về trình tự, thủ tục và quá trình thực hiện công tác thẩm định nguồn vốn; tổng hợp lập kế hoạch, giao kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư trong giai đoạn 202....-202...

- Việc chấp hành các văn bản chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; HĐND-UBND tỉnh về mức vốn theo ngành, lĩnh vực, loại dự án chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu, về bố trí vốn đúng, đủ để dự án hoàn thành theo quy định.

- Đánh giá về nhu cầu vốn và mức độ đáp ứng cho nhu cầu phát triển.

d) Công tác triển khai, thực hiện các dự án đầu tư

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:

- + Sự phù hợp của nội dung thiết kế, dự toán với nội dung dự án đầu tư và tổng mức đầu tư được duyệt;

- + Trình tự, thủ tục, chất lượng công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán;

- Công tác lựa chọn nhà thầu:

- + Việc ban hành và thực hiện các văn bản quy định về phân công, phân cấp, trách nhiệm, quyền hạn xử lý vi phạm về đấu thầu của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- + Công tác lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

+ Quá trình tổ chức đấu thầu; đánh giá HSDT, HSDX, trình thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chỉ định thầu.

+ Đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu.

- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng:

+ Việc thương thảo, bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký kết hợp đồng;

+ Kết quả thực hiện hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng; việc chấp hành quy định pháp luật đối với công tác tạm ứng vốn, nghiệm thu, thanh toán, thanh lý hợp đồng và quyết toán công trình, dự án;

+ Công tác tư vấn thiết kế, dự toán, thẩm tra, thẩm định, giám sát công trình (năng lực, chất lượng, kết quả thực hiện) so với hợp đồng;

- Đánh giá chung về tiến độ thực hiện dự án: Số dự án (A, B,C) thực hiện đúng tiến độ; số dự án chậm tiến độ).

- Giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác, sử dụng

+ Đánh giá chung về kết quả triển khai thực hiện dự án, công tác nghiệm thu, bàn giao công trình, dự án trong giai đoạn 202... - 202...

đ) Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

- Việc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án theo quy định (số lượng dự án được giám sát, đánh giá; thời gian giám sát, đánh giá đầu tư; chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư giai đoạn 202...- 202...

1.2. Ví dụ minh họa về Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật đầu tư công, công tác quản lý dự án và đấu thầu tại huyện X giai đoạn 2016-2020

Phần thứ nhất KHÁI QUÁT CHUNG

UBND huyện X là đơn vị hành chính thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ và môi trường, an ninh, quốc phòng ở địa phương. Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các chương trình, kế hoạch về ổn định và phát triển các lĩnh vực nói trên ở địa phương theo quy định của pháp luật. Cơ cấu chức năng nhiệm vụ gồm các Phòng, Ban, UBND các xã, thị trấn... Trong đó, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng là tổ chức công lập trực thuộc UBND huyện, làm Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn Nhà nước ngoài ngân sách do UBND huyện giao; tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bàn giao công trình hoàn thành cho UBND huyện; chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng; thực hiện các chức năng khác khi được UBND huyện

giao và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án theo quy định tại Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Phòng Tài chính – Kế hoạch là cơ quan chuyên môn, chịu sự chỉ đạo về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND huyện; tham mưu UBND huyện thẩm tra, quyết toán các dự án do huyện quản lý, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách huyện quản lý; thẩm định dự toán, xét duyệt quyết toán thu, chi và công khai dự toán, chi ngân sách cấp huyện, cấp xã, thị trấn... , thẩm định dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời thầu (HSMT) và kết quả lựa chọn nhà thầu....

Theo báo cáo số.../BC-UBND ngày.../.../2020 của UBND huyện, lũy kế giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đạt 628.500 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch vốn giao.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THANH TRA

I. CÔNG TÁC BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHÂN BỐ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

HĐND, UBND huyện đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công theo quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương cơ bản phù hợp quy định pháp luật và văn bản chỉ đạo của Tỉnh Ủy, HĐND-UBND tỉnh, tuy nhiên còn một số tồn tại như sau:

a) Nghị Quyết Hội đồng Nhân dân huyện (HĐND huyện) và Quyết định của UBND huyện bố trí vốn cho 09 dự án chuẩn bị đầu tư tổng giá trị 900 trđ (100trđ/dự án) khi chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

b) UBND huyện ban hành Quyết định điều chỉnh nội bộ Kế hoạch đầu tư công năm 2019 (Quyết định số.../QĐ-UBND ngày / /2019); năm 2020 (Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2020 chậm hơn thời gian quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ “thời gian điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15/11 năm kế hoạch”.

II. CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Theo báo cáo số .../BC-UBND ngày.../.../2020 của UBND huyện, trong giai đoạn 2016-2020, huyện X có 85 dự án được bố trí vốn đầu tư công, trong đó có 22 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; 25 dự án chuyển tiếp; 15 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư và 23 dự án được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Qua thanh tra 37 dự án đầu tư công cho thấy còn một số nội dung chưa phù hợp, cụ thể:

1. Công tác bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

a) Việc thực hiện cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương

Trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, UBND huyện cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương để hoàn thành dự án tại Công văn số ...UBND-KT ngày.../.../2016 về việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp huyện giai đoạn 2016-2020 có 02 dự án chưa bố trí đủ vốn như cam kết.

b) Việc bố trí vốn đầu tư công trung hạn

- Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Mục II Phần A Văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ KHĐT về dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định dự án hoàn thành đã bàn giao, quyết toán bố trí đủ kế hoạch vốn cho từng dự án; mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án không vượt quá 90%TMĐT. Tuy nhiên trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn có 10 dự án không bố trí đủ 100% vốn theo giá trị quyết toán hoàn thành; 01 dự án chuyển tiếp bố trí vốn vượt 100% TMĐT; 02 dự án chuyển tiếp bố trí vốn vượt 90% TMĐT.

- Bố trí dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn trung hạn 2016-2020, Dự án điện phục vụ cho các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn huyện theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2016 của UBND huyện không đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều... Nghị Quyết số .../NQ-HĐND ngày .../.../2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020.

2. Công tác bố trí vốn hằng năm:

- Bố trí kế hoạch vốn để thực hiện 05 dự án chưa có chủ trương đầu tư trong Kế hoạch vốn trung hạn với tổng giá trị 85.000 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019; Bố trí kế hoạch vốn trung hạn vượt tổng mức đầu tư 05 dự án.

- Bố trí Kế hoạch đầu tư công hằng năm (2016; 2017) cho 06 dự án chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn với tổng số vốn 74.000 triệu đồng, chưa phù hợp quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công.

- Bố trí không đủ vốn cho 04 dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 với tổng số vốn thiếu là 86.000 triệu đồng .

2. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư

a) Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công, việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (BCĐXCTĐT) do Chủ tịch UBND các cấp giao cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nhưng tại các dự án do UBND huyện X giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng (không phải là cơ quan chuyên môn) thực hiện lập BCĐXCTĐT là chưa phù hợp quy định.

b) Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công năm 2019 và Mẫu số 07 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định cơ quan trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nhưng cơ quan thẩm định (Phòng Tài chính – Kế hoạch) trình UBND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án sửa chữa, cải tạo

trường tiểu học Y và Nâng cấp Trung tâm văn hóa, thể thao huyện là chưa phù hợp quy định.

c) Hồ sơ thẩm định BCĐXCTĐT dự án mua sắm trang thiết bị cho trung tâm y tế huyện chưa đảm bảo quy định, thiếu quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công.

3. Quyết định chủ trương đầu tư

Tại khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định “thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C do Hội đồng nhân dân quyết định và khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP quy định HĐND quyết định hoặc ủy quyền cho thường trực HĐND cùng cấp xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 91 Luật Đầu tư công. Qua thanh tra nhận thấy, có 02 dự án nhóm B do Thường trực HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng không có văn bản ủy quyền của HĐND huyện là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

a) Có 04 dự án không xác định rõ nguồn vốn đầu tư, quyết định đầu tư chỉ ghi nguồn vốn NSNN và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Mục I Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và điểm b khoản 1 Mục I Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Có 06 dự án phải điều chỉnh tăng/giảm tổng mức đầu tư, trong đó có 03 dự án điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư với tổng giá trị 22 tỷ đồng (giảm 10% TMĐT so với dự án được duyệt) làm tăng chi phí lập dự án đầu tư; 03 dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư tăng thêm 45 tỷ đồng (tăng 30% so với dự án được duyệt). Việc điều chỉnh tăng/giảm quy mô đầu tư cho thấy công tác khảo sát, thiết kế và lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư chưa sát thực tế, năng lực đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế lập dự án chưa đảm bảo chất lượng.

5. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán

a) Việc áp dụng đơn giá lập dự toán:

- Áp đơn giá xi măng PCB 40 là 1.400đ/kg (xi măng Hà Tiên) chưa đảm bảo tính kinh tế, chưa phù hợp, tính lại đơn giá xi măng Badico là 1.266đ/kg theo thông báo giá tháng 4/2019 tại Văn bản số 2062/CBG-SXD ngày 04/6/2019 của Sở Xây dựng làm tăng chi phí dự toán, giá gói thầu số tiền đồng;

- Áp giá thép $\varnothing \leq 10\text{mm}$ là 13.973đ/kg; tính lại đơn giá theo Văn bản 2026/CBG-SXD ngày 04/6/2019 làm tăng chi phí dự toán, chi phí gói thầu số tiền đồng;

b) Công tác tính toán khối lượng theo hồ sơ thiết kế

- Dự toán tính sai khối lượng, làm tăng 138,94m³ đất cấp 3 (sỏi đỏ) với chi phí đồng;

- Dự toán tính sai chi phí chênh lệch vật liệu bê tông nhựa hạt trung, tổng khối lượng 5.366,46 tấn, làm tăng chi phí dự toán, giá gói thầu số tiền đồng;

c) Công tác thiết kế

Thiết kế - dự toán bố trí cọc tiêu 1m/1cọc tiêu chưa phù hợp về khoảng cách theo quy định tại Điều 58, 59 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT quy định tối thiểu từ 3 đến 10m/cọc;

d) Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng:

- Dự toán tính chi phí chung các hạng mục thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật 6,4% là chưa phù hợp quy định tại Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định 5%, làm tăng chi phí dự toán với số tiền đồng;

- Dự toán tính chi phí một số công tác không xác định khối lượng từ thiết kế là 2,5% đối với hạng mục thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật chưa phù hợp Thông tư 06/2016/TT-BXD quy định 2%, làm tăng chi phí dự toán với số tiền đồng.

- Tính trùng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư vì chi phí này đã có trong chi phí QLDA theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng làm tăng chi phí dự toán đồng.

III. CÔNG TÁC ĐẤU THẦU

1. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Có 03 dự án có thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chậm hơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2013.

b) có 02 gói thầu không nêu rõ hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

c) Có 15 gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa nêu rõ giá gói thầu có bao gồm dự phòng phí hay không có dự phòng phí là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

2. Việc đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Có 06 gói thầu chưa đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013.

3. Công tác lập hồ sơ mời thầu:

- Theo hồ sơ thiết kế - dự toán sử dụng máy đào 0,8m³, máy trộn bê tông 500 lít nhưng hồ sơ mời thầu yêu cầu máy đào 1,25m³; máy trộn bê tông 250 lít là không phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- HSMT yêu cầu cam kết tín dụng cho gói thầu tối thiểu là 2.507.985.000 đồng là chưa phù hợp yêu cầu hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định chứng minh nguồn lực tài chính chỉ áp dụng đối với những loại hàng hóa phức tạp, quy mô lớn, có thời gian sản xuất, chế tạo dài.

- Hồ sơ mời thầu yêu cầu *Uy tín nhà thầu* thông qua việc thực hiện các hợp đồng trước đó trong 03 năm (2016-2017-2018) là chưa phù hợp quy định hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định *Uy tín nhà thầu* thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự.

- Hồ sơ mời thầu yêu cầu quy định cấp công trình tương tự không đúng yêu cầu gói thầu đang xét; không quy định giá trị hợp đồng tương tự; yêu cầu doanh thu trong 03 năm cao hơn hoặc thấp hơn quy định; yêu cầu nhân sự chủ chốt phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... không đúng quy định hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT.

4. Công tác đánh giá hồ sơ dự thầu:

4.1. Việc phê duyệt dự toán, cập nhật giá gói thầu:

- Có 06 gói thầu thực hiện thanh tra, Chủ đầu tư chưa thực hiện thẩm định, phê duyệt giá gói thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Có 06 gói thầu xây lắp chưa cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

4.2. Đánh giá hồ sơ dự thầu:

- Có 06 gói thầu có bảo lãnh dự thầu không hợp lệ, có chữ ký của Phó Giám đốc nhưng không có văn bản ủy quyền của người có thẩm quyền ký bảo lãnh dự thầu;

- Có 09 gói thầu thiết bị đề xuất trong hồ sơ dự thầu chưa đủ số lượng, chưa đáp ứng yêu cầu về công suất và các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm nhưng đơn vị tư vấn lựa chọn nhà thầu không tiến hành làm rõ và yêu cầu nhà thầu bổ sung mà kết luận nhà thầu không đạt yêu cầu, bị loại là không đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu cung cấp thông tin về báo cáo tài chính và cán bộ kỹ thuật, hợp đồng thi công tương tự không trung thực để được trúng thầu.

- Nhà thầu tham dự thầu cung cấp hợp đồng tương tự liên danh với nhà thầu khác nhưng khi đánh giá hồ sơ dự thầu, đơn vị tư vấn chỉ căn cứ giá trị hợp đồng tương tự cho cả liên danh mà không xét đến phần giá trị công việc đảm nhận của từng thành viên liên danh và đánh giá nhà thầu đạt yêu cầu là không đúng quy định.

- Nhà thầu tham dự thầu cung cấp văn bản xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của nhân sự chỉ huy trường công trường không trung thực để được trúng thầu không đúng quy định.

IV. CÔNG TÁC KÝ KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU, THANH TOÁN

1. Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng còn một số hạn chế:

- Thực hiện ký kết hợp đồng không đúng mẫu hợp đồng được quy định tại HSMT (gói thầu 02 gói thầu mua sắm).

- Nhân sự thực tế thi công chưa đúng với nhân sự đã cam kết trong HSMT nhưng không có tài liệu chứng minh việc nhà thầu đề nghị thay thế nhân sự và Chủ đầu tư chấp thuận (02 gói thầu thi công xây lắp)

- Thực hiện bảo đảm dự thầu 1,5% giá trúng thầu, không đúng yêu cầu của HSMT từ 2 đến 10% giá trúng thầu (02 gói thầu mua sắm thiết bị).

- Thành viên trong liên danh nhà thầu trúng thầu không ký tên và đóng dấu trong hợp đồng (01 gói thầu thi mua sắm thiết bị).

- Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hồ sơ dự thầu của nhà thầu không còn hiệu lực (01 gói thầu mua sắm thiết bị).

2. Công tác nghiệm thu, thanh toán chưa phù hợp quy định.

Việc nghiệm thu, thanh toán cừ tràm Ø8-Ø10cm đưa vào sử dụng trong công trình là chưa phù hợp so với yêu cầu thiết kế, dự toán là Ø10-Ø12cm, làm giảm chi phí dự toán gói thầu là 68,5 triệu đồng.

Phần thứ ba KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Qua thanh tra cho thấy, công tác lập, phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công hằng năm đã được HĐND – UBND huyện X quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện, làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn huyện; trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản và đấu thầu được tập thể cán bộ Ban QLDA và Phòng TC-KH đã có nhiều nỗ lực trong việc phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu giúp HĐND-UBND huyện triển khai thực hiện nhiều dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư; thực hiện dự án, đưa công trình vào khai thác, sử dụng và quyết toán công trình cơ bản phù hợp trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản và đấu thầu hiện hành, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

Bên cạnh những mặt tích cực cần tiếp tục phát huy, còn một số tồn tại, sai sót UBND huyện X và các đơn vị cần phải chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới từ công tác lập, phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020; Kế hoạch đầu tư công năm 2017 – 2018 còn nhiều sai sót, sai phạm chưa phù hợp quy định Luật Đầu tư công; Nghị định 77/2015/NĐ-CP; Thông tư 08/2016/TT-BTC; công tác lập,

thẩm định, phê duyệt HSMT còn một số tiêu chuẩn đánh giá chưa phù hợp quy định pháp luật về đấu thầu; thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và đăng tải thông tin trong đấu thầu chưa đảm bảo nội dung và thời gian quy định; nhà thầu trúng thầu quản lý, sử dụng vật tư đưa vào thi công xây dựng chưa thể hiện đầy đủ khối lượng đầu vào so với định mức dự toán được duyệt, cụ thể:

1. Công tác bố trí vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 và hằng năm

a) Việc thực hiện cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương

Trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, UBND huyện cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương để hoàn thành dự án tại Công văn số ...UBND-KT ngày.../.../2016 về việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp huyện giai đoạn 2016-2020 có 02 dự án chưa bố trí đủ vốn như cam kết.

b) Việc bố trí vốn đầu tư công trung hạn

- Bố trí dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn trung hạn 2016-2020, Dự án điện phục vụ cho các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn huyện theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2016 của UBND huyện không đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều... Nghị Quyết số .../NQ-HĐND ngày .../.../2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020.

c). Công tác bố trí vốn hằng năm:

- Bố trí kế hoạch vốn để thực hiện 05 dự án chưa có chủ trương đầu tư trong Kế hoạch vốn trung hạn với tổng giá trị 85.000 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019; Bố trí kế hoạch vốn trung hạn vượt tổng mức đầu tư 02 dự án.

- Bố trí Kế hoạch đầu tư công hằng năm (2016; 2017) cho 06 dự án chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn với tổng số vốn 74.000 triệu đồng, chưa phù hợp quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công.

- Bố trí không đủ vốn cho 04 dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 với tổng số vốn thiếu là 86.000 triệu đồng .

2. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư

a) Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công, việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (BCĐXCTĐT) do Chủ tịch UBND các cấp giao cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nhưng tại các dự án do UBND huyện X giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng (không phải là cơ quan chuyên môn) thực hiện lập BCĐXCTĐT là chưa phù hợp quy định.

b) Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công năm 2019 và Mẫu số 07 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định cơ quan trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nhưng cơ quan thẩm định (Phòng Tài chính – Kế hoạch) trình UBND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Y và Nâng cấp Trung tâm văn hóa, thể thao huyện là chưa phù hợp quy định.

c) Hồ sơ thẩm định BCĐXCTĐT dự án mua sắm trang thiết bị cho trung tâm y tế huyện chưa đảm bảo quy định, thiếu quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công.

3. Quyết định chủ trương đầu tư

Tại khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định “thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C do Hội đồng nhân dân quyết định và khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP quy định HĐND quyết định hoặc ủy quyền cho thường trực HĐND cùng cấp xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 91 Luật Đầu tư công. Qua thanh tra nhận thấy, có 02 dự án nhóm B do Thường trực HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng không có văn bản ủy quyền của HĐND huyện là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

a) Có 04 dự án không xác định rõ nguồn vốn đầu tư, quyết định đầu tư chỉ ghi nguồn vốn NSNN và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Mục I Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và điểm b khoản 1 Mục I Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Có 06 dự án phải điều chỉnh tăng/giảm tổng mức đầu tư, trong đó có 03 dự án điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư với tổng mức đầu tư với tổng giá trị 22 tỷ đồng (giảm 10% TMĐT so với dự án được duyệt) làm tăng chi phí lập dự án đầu tư; 03 dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư tăng thêm 45 tỷ đồng (tăng 30% so với dự án được duyệt). Việc điều chỉnh tăng/giảm quy mô đầu tư cho thấy công tác khảo sát, thiết kế và lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư chưa sát thực tế, năng lực đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế lập dự án chưa đảm bảo chất lượng.

5. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán

a) Việc áp dụng đơn giá lập dự toán:

- Áp đơn giá xi măng PCB 40 là 1.400đ/kg (xi măng Hà Tiên) chưa đảm bảo tính kinh tế, chưa phù hợp, tính lại đơn giá xi măng Badico là 1.266đ/kg theo thông báo giá tháng 4/2019 tại Văn bản số 2062/CBG-SXD ngày 04/6/2019 của Sở Xây dựng làm tăng chi phí dự toán, giá gói thầu số tiền đồng;

- Áp giá thép $\varnothing \leq 10\text{mm}$ là 13.973đ/kg; tính lại đơn giá theo Văn bản 2026/CBG-SXD ngày 04/6/2019 làm tăng chi phí dự toán, chi phí gói thầu số tiền đồng;

b) Công tác tính toán khối lượng theo hồ sơ thiết kế

- Dự toán tính sai khối lượng, làm tăng 138,94m³ đất cấp 3 (sỏi đỏ) với chi phí đồng;

- Dự toán tính sai chi phí chênh lệch vật liệu bê tông nhựa hạt trung, tổng khối lượng 5.366,46 tấn, làm tăng chi phí dự toán, giá gói thầu số tiền đồng;

c) Công tác thiết kế

Thiết kế - dự toán bố trí cọc tiêu 1m/1cọc tiêu chưa phù hợp về khoảng cách theo quy định tại Điều 58, 59 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT quy định tối thiểu từ 3 đến 10m/cọc;

d) Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng:

- Dự toán tính chi phí chung các hạng mục thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật 6,4% là chưa phù hợp quy định tại Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định 5%, làm tăng chi phí dự toán với số tiền đồng;

- Dự toán tính chi phí một số công tác không xác định khối lượng từ thiết kế là 2,5% đối với hạng mục thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật chưa phù hợp Thông tư 06/2016/TT-BXD quy định 2%, làm tăng chi phí dự toán với số tiền đồng.

- Tính trùng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư vì chi phí này đã có trong chi phí QLDA theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng làm tăng chi phí dự toán đồng.

6. Công tác đấu thầu

6.1. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- 03 dự án có thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chậm hơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2013.

- có 02 gói thầu không nêu rõ hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

- Có 15 gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa nêu rõ giá gói thầu có bao gồm dự phòng phí hay không có dự phòng phí là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

6.2. Việc đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Có 06 gói thầu chưa đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013.

6.3. Công tác lập hồ sơ mời thầu:

- Có 06 gói thầu Chủ đầu tư chưa thực hiện thẩm định, phê duyệt giá gói thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Có 06 gói thầu xây lắp chưa cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013.

- Theo hồ sơ thiết kế - dự toán sử dụng máy đào 0,8 m³, máy trộn bê tông 500 lít nhưng hồ sơ mời thầu yêu cầu máy đào 1,25m³; máy trộn bê tông 250 lít là không phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 63/2014 ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- HSMT yêu cầu cam kết tín dụng cho gói thầu tối thiểu là 2.507.985.000 đồng là chưa phù hợp yêu cầu hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định chứng minh nguồn lực tài chính chỉ áp dụng đối với những loại hàng hóa phức tạp, quy mô lớn, có thời gian sản xuất, chế tạo dài.

- Hồ sơ mời thầu yêu cầu Uy tín nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trước đó trong 03 năm (2016-2017-2018) là chưa phù hợp quy định hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định Uy tín nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự.

- Hồ sơ mời thầu yêu cầu quy định cấp công trình tương tự không đúng yêu cầu gói thầu đang xét; không quy định giá trị hợp đồng tương tự; yêu cầu doanh thu trong 03 năm cao hơn hoặc thấp hơn quy định; yêu cầu nhân sự chủ chốt phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... không đúng quy định hướng dẫn tại Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT.

6.4. Công tác đánh giá hồ sơ dự thầu:

- 06 gói thầu có bảo lãnh dự thầu không hợp lệ, có chữ ký của Phó Giám đốc nhưng không có văn bản ủy quyền của người có thẩm quyền ký bảo lãnh dự thầu;

- Có 09 gói thầu thiết bị đề xuất trong hồ sơ dự thầu chưa đủ số lượng, chưa đáp ứng yêu cầu về công suất và các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm nhưng đơn vị tư vấn lựa chọn nhà thầu không tiến hành làm rõ và yêu cầu nhà thầu bổ sung mà kết luận nhà thầu không đạt yêu cầu, bị loại là không đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu cung cấp thông tin về báo cáo tài chính và cán bộ kỹ thuật, hợp đồng thi công tương tự không trung thực để được trúng thầu.

- Nhà thầu tham dự thầu cung cấp hợp đồng tương tự liên danh với nhà thầu khác nhưng khi đánh giá hồ sơ dự thầu, đơn vị tư vấn chỉ căn cứ giá trị hợp đồng tương tự cho cả liên danh mà không xét đến phần giá trị công việc đảm nhận của từng thành viên liên danh và đánh giá nhà thầu đạt yêu cầu là không đúng quy định.

- Nhà thầu tham dự thầu cung cấp văn bản xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của nhân sự chỉ huy trường công trường không trung thực để được trúng thầu không đúng quy định.

7. Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng

Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng còn một số hạn chế:

- Thực hiện ký kết hợp đồng không đúng mẫu hợp đồng được quy định tại HSMT (gói thầu 02 gói thầu mua sắm).

- Nhân sự thực tế thi công chưa đúng với nhân sự đã cam kết trong HSMT nhưng không có tài liệu chứng minh việc nhà thầu đề nghị thay thế nhân sự và Chủ đầu tư chấp thuận (02 gói thầu thi công xây lắp).

- Thực hiện bảo đảm dự thầu 1,5% giá trúng thầu, không đúng yêu cầu của HSMT từ 2 đến 10% giá trúng thầu (02 gói thầu mua sắm thiết bị).

- Thành viên trong liên danh nhà thầu trúng thầu không ký tên và đóng dấu trong hợp đồng (01 gói thầu thi mua sắm thiết bị).

- Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hồ sơ dự thầu của nhà thầu không còn hiệu lực (01 gói thầu mua sắm thiết bị).

II. KIẾN NGHỊ:

Căn cứ kết quả thanh tra, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị HĐND, UBND huyện X thực hiện một số nội dung sau:

1. Chấn chỉnh công tác lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư theo đúng quy định;

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý dự án chặt chẽ từ khâu thiết kế, lập dự toán đảm bảo phù hợp theo đúng quy định, tránh trường hợp sai sót tương tự làm tăng chi phí dự toán, chi phí gói thầu không đúng quy định.

3. Chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn đấu thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu theo đúng quy định, tránh các trường hợp sai sót tương tự ở các gói thầu đang triển khai.

4. Tổ chức kiểm điểm, xác định, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những tồn tại, hạn chế đã nêu và báo cáo kết quả xử lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi; nghiêm túc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

5. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

5.1. Đối với Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Thực hiện nghiêm túc công tác thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo đúng pháp luật về đầu tư công; tiếp tục tham mưu cho UBND huyện chấn chỉnh công tác báo cáo về đầu tư công, thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định;

- Tham mưu UBND huyện tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đầu tư công, đấu thầu đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu để kịp thời phát hiện những tồn tại, sai sót kiến nghị cấp thẩm quyền uốn nắn, chấn chỉnh và có biện pháp xử lý sai phạm (nếu có) theo đúng quy định.

5.2. Đối với Phòng Quản lý Đô thị

- Chấn chỉnh công tác tham mưu thẩm định dự án, thiết kế-dự toán áp dụng đơn giá, định mức theo đúng quy định, tránh trường hợp sai sót tương tự ở các gói thầu đang triển khai;

- Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác đầu tư xây dựng đối với các chủ đầu tư trên địa bàn; kịp thời hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho các chủ đầu tư thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản khi có yêu cầu.

5.3. Đối với các chủ đầu tư và nhà thầu:

Nghiêm túc thực hiện tốt công tác quản lý dự án từ khâu lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế bản vẽ thi công- dự toán theo đúng quy định, tránh các trường hợp áp dụng đơn giá, định mức, thiết kế không phù hợp thực tế làm tăng chi phí dự toán, chi phí gói thầu không đúng quy định có nguy cơ thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư;

5.4. Xử lý về kinh tế:

- Thực hiện giảm trừ thanh, quyết toán tổng số tiền đồng do gói thầu số 1; số 3 chưa thực hiện quyết toán công trình xây dựng;

- Thu hồi, nộp ngân sách Nhà nước số tiền đồng do gói thầu số 2 đang trình phê duyệt quyết toán công trình.

- Giao chủ đầu tư chịu trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với các đơn vị tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm tra và các đơn vị có liên quan xử lý các sai phạm về tài chính số tiền nêu trên theo đúng quy định.

Trên đây là kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công, công tác quản lý dự án, đấu thầu giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện X. Đề nghị HĐND-UBND huyện X chỉ đạo và nghiêm túc thực hiện các nội dung kiến nghị trong kết luận thanh tra. Kết quả thực hiện báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày...../.../...../.

2. Ví dụ minh họa về Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về doanh nghiệp

Phần thứ nhất KHÁI QUÁT CHUNG

Khái quát đặc điểm tình hình của đối tượng kiểm tra

Qua rà soát có 10 doanh nghiệp là đối tượng kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số...../QĐ-SKHĐT của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc nhóm doanh nghiệp có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí “Số doanh nghiệp/người đăng ký/năm; Doanh nghiệp có chủ sở hữu người Việt Nam nhưng đại diện theo pháp luật người nước ngoài” ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 (trước đây là Quyết định số 295/QĐ-UBND) của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Có..... doanh nghiệp do bà Trần Thị A thành lập hoặc là chủ sở hữu và tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tại thời điểm kiểm tra, bà Trần Thị A đang là chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của 06/10 doanh nghiệp, đã chuyển nhượng cho cá nhân khác 03/10 doanh nghiệp (Công ty TNHH thiết bị y tế X, nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị A để làm chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật tại lần đăng ký thay đổi thứ 3 ngày 02/11/2022, đến lần đăng ký thay đổi thứ 4 ngày 22/11/2022 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim C; Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, chuyển nhượng tại lần đăng ký thay đổi thứ 4 ngày 15/5/2023 cho bà Lê Ngọc Thanh X; Công ty TNHH một thành viên Thương mại, chuyển nhượng tại lần đăng ký thay đổi thứ 1 ngày 20/6/2023 cho bà Lê Thị H); 01/10 doanh nghiệp bà Trần Thị A là chủ sở hữu nhưng đại diện theo pháp luật là người nước ngoài (Công ty TNHH International....., bà Trần Thị A là chủ sở hữu và ông Yang Cheng quốc tịch Trung Quốc là người đại diện theo pháp luật).

Phần thứ hai KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Kết quả kiểm tra:

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 09/10 doanh nghiệp tại địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; 01/10 doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục giải thể (Công ty TNHH International....) nên không tiến hành kiểm tra.

Đoàn kiểm tra đã làm việc với người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp được kiểm tra để tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp nội dung kiểm tra. Đoàn kiểm tra ghi nhận các nội dung như sau:

1. Tình hình hoạt động tại trụ sở chính:

- Có 03/10 trường hợp không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH nội thất....., Công ty TNHH thiết bị y tế...).

- Có 01/10 trường hợp công ty đang thực hiện thủ tục giải thể (Công ty TNHH International).

- Có 02/10 trường hợp công ty không hoạt động đúng địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ

- Có 04/10 trường hợp có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ

2. Gắn biển hiệu tại trụ sở chính:

- Có 03/10 trường hợp không có công ty hoạt động, không gắn biển hiệu Công ty (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH nội thất..... Công ty TNHH thiết bị, Công ty TNHH

- Có 06/10 doanh nghiệp thực hiện gắn biển hiệu tại trụ sở chính theo quy định (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch..., Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ.....).

3. Tình hình góp vốn điều lệ công ty:

Có 06/10 doanh nghiệp góp đủ vốn nhưng góp trễ so với thời hạn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 75 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ

4. Triển khai ngành nghề kinh doanh:

06/10 doanh nghiệp triển khai hoạt động ngành nghề đã đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ.....).

5. Về việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu:

06/10 doanh nghiệp có thực hiện lưu giữ các tài liệu tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ

6. Công bố thông tin doanh nghiệp:

06/10 doanh nghiệp có thực hiện công bố thông tin đầy đủ (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ

Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ

II. KẾT QUẢ XÁC MINH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Ngày 17/7/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhận văn bản số /CAT-PA về việc trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể thông tin như sau:

1. Về việc kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp so với thực tế

Qua kết quả xác minh của Công an tỉnh Bình Dương, có 05/10 doanh nghiệp chủ sở hữu thừa nhận việc đứng tên giúp người khác trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hưởng lương 4 triệu đồng/tháng, hành vi này vi phạm hành chính “kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.” theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ (nay là Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư) (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ, Công ty TNHH gỗ

Đoàn kiểm tra đã lập Biên bản làm việc ghi nhận hành vi vi phạm hành chính đối với 04/05 doanh nghiệp nêu trên (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ); có 01/05 doanh nghiệp Đoàn không lập biên bản do không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH gỗ

2. Rà soát nội dung kiểm tra theo văn bản sốCAT-PA của Công an tỉnh Bình Dương

a) Về việc không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh.

Qua kết quả xác minh của Công an tỉnh Bình Dương, có 04/10 doanh nghiệp không hoạt động đúng địa điểm đăng ký kinh doanh.

Đoàn kiểm tra đã lập Biên bản làm việc ghi nhận hành vi vi phạm hành chính đối với 02/04 doanh nghiệp nêu trên (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ), có 02/04 doanh nghiệp Đoàn không lập biên bản do không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH thiết bị

b) Về hoạt động của Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch

Theo Quyết định số /QĐ-XPVPHC ngày .../.../... của Chánh Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Cách Đỗ A do kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (bà Hoàng T... H là chủ sở hữu công ty xác nhận đứng tên giùm các ông Chang và Wang, Yusang quốc tịch Trung Quốc để thành lập Công ty TNHH Cách Đỗ A). Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi và thông báo lại

các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ.

Qua kết quả kiểm tra tại Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch hoạt động tại địa chỉ của Công ty TNHH Cách Đỗ A. Tuy nhiên trong quá trình làm việc, bà Lê Thị Thanh K chủ sở hữu công ty không thừa nhận hành vi đứng tên giùm nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, Đoàn kiểm tra kiến nghị một số nội dung đối với Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch tại nội dung số 4 Mục 4.2 dưới đây.

3. Một số nội dung khác trong quá trình kiểm tra

Qua kết quả kiểm tra, các công ty: Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH thiết bị không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Tuy nhiên, qua kiểm tra hóa đơn của các doanh nghiệp còn lại, 03 doanh nghiệp nêu trên có xuất hóa đơn cho các doanh nghiệp còn lại (Công ty TNHH gỗ có xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH gỗ có xuất hóa đơn cho Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ ,...).

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Qua kiểm tra cho thấy việc đăng ký thành lập và hoạt động của doanh nghiệp còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

1. Có 03/10 trường hợp không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH thiết bị

2. 01/10 doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục giải thể (Công ty TNHH

3. Có 02/10 trường hợp công ty không hoạt động đúng địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là hành vi vi phạm hành chính “không đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (Công ty TNHH một thành viên Thương mại....., Công ty TNHH gỗ

4. Có 06/10 trường hợp công ty không thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn hoặc thay đổi thành viên, cổ đông sáng lập theo quy định tại cơ quan đăng ký kinh doanh khi đã kết thúc thời hạn góp vốn và hết thời gian điều chỉnh vốn do thành viên, cổ đông sáng lập không góp đủ vốn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 46 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ).

5. Có 04/10 trường hợp công ty kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP (Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ,).

II. KIẾN NGHỊ:

Từ kết quả kiểm tra đã nêu, Đoàn kiểm tra kiến nghị như sau:

1. Đối với doanh nghiệp:

- Yêu cầu các doanh nghiệp có hành vi vi phạm được nêu tại Mục I, II phần hai – Kết quả kiểm tra chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

- Các doanh nghiệp có hành vi vi phạm được nêu tại Mục I, II phần hai – Kết quả kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính sau khi Thanh tra Sở ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định pháp luật.

2. Đối với Thanh tra Sở:

- Tiến hành thực hiện các thủ tục xử lý hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp được nêu tại mục Mục I, II phần hai – Kết quả kiểm tra.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra.

- Tham mưu Giám đốc Sở có văn bản chuyển Cục Thuế tỉnh Bình Dương kiểm tra tình hình sử dụng hóa đơn của Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH gỗ T...L, Công ty TNHH thiết bị T....

- Tham mưu Giám đốc Sở có văn bản chuyển Công an tỉnh kiểm tra nội dung đứng tên giùm nhà đầu tư nước ngoài của Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch.

3. Đối với Phòng Đăng ký kinh doanh:

- Kiến nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện các biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các công ty: Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH gỗ T...L, Công ty TNHH thiết bị T..... do không có công ty hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện giải thể của Công ty TNHH

- Hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả của các doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Thương mại, Công ty TNHH gỗ, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại, Công ty TNHH Sản xuất đá Cẩm Thạch, Công ty TNHH Thương mại, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụsau khi có quyết định xử lý vi phạm hành chính.

(gửi kèm bản sao các Biên bản làm việc)

Trên đây là Kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số/QĐ-SKHĐT ngày/.../....., đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

3. Ví dụ minh họa về Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về việc triển khai thực hiện dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT CHUNG

I. Khái quát đặc điểm tình hình của đối tượng kiểm tra

1. Dự án Nhà máy ... của Công ty TNHH ...

Công ty TNHH ..., Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 370.....; đăng ký lần đầu ngày .../.../20....; đăng ký thay đổi lần thứ tư... ngày .../.../20....; Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

- Địa chỉ trụ sở chính: số ..., đường ..., phường, thành phố ..., tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo pháp luật: ông/bà ...; Chức danh:

Công ty thực hiện dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số, chứng nhận lần đầu ngày .../.../20...., chứng nhận thay đổi lần thứ tư .../.../20.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã ..., huyện, tỉnh Bình Dương

- Tiến độ thực hiện dự án:

“Điều 6: Tiến độ thực hiện dự án:

Kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư

+ Hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư: tháng .../20.....

+ Hoạt động chính thức: tháng .../20.....”

2. Dự án Nhà máy ... của Công ty TNHH ...

.....

Phần thứ hai

KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Kết quả kiểm tra:

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 05 dự án của doanh nghiệp, trong đó: 04 dự án liên hệ được với nhà đầu tư và 01 dự án không liên hệ được với nhà đầu tư. Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp được kiểm tra, Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn tại địa điểm thực hiện dự án của doanh nghiệp để tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp nội dung kiểm tra.

1. Dự án Nhà máy ... của Công ty TNHH ...

Đoàn đã phối hợp với đại diện của Ủy ban nhân dân huyện B ... kiểm tra địa điểm Nhà máy của Công ty TNHH tại xã, huyện, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm kiểm tra, Nhà xưởng hiện đang chứa một số bao bì, không hoạt động sản xuất.

Theo giải trình của Công ty: Công ty đã hoàn thành xây dựng nhà xưởng với diện tích 4.200 m² và đã được cấp chứng nhận sở hữu công trình năm 2012. Công ty mong muốn được thực hiện dự án, nhưng do con đường đi vào dự án nhỏ hẹp nên dự án đã không thể thực hiện, vì đây là đường nội bộ thuộc dự án khu dân cư của Công ty Công ty đã nhiều lần thương lượng với Công ty; Tuy nhiên Công ty ... vẫn không chấp thuận về đường đi vào dự án. Đồng thời, do dịch bệnh Covid-19 và ảnh hưởng của nền kinh tế, năm 2022 Công ty đã chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê cho Công ty TNHH ... theo Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê ngày 06/4/2022, công chứng số 0025.... tại Văn phòng công chứng thành phố mới. Do hồ sơ chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê vẫn chưa hoàn tất thủ tục, do đó Công ty chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án.

Như vậy sau khi hoàn thành dự án vào năm 2012, Công ty TNHH đã không tiến hành đưa dự án vào hoạt động chính thức và Công ty cũng không thông báo về việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư.

2. Dự án Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH

Tại thời điểm kiểm tra, nhà máy đã hoàn thành và đã lắp đặt máy móc thiết bị, doanh nghiệp hiện không sản xuất.

Theo giải trình của doanh nghiệp: dự án đã được cấp Giấy chứng nhận sở hữu công trình từ năm 2009 và đã hoạt động chính thức năm 2009. Do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, công ty đã có văn bản xin tạm ngừng hoạt động dự án và đã được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Văn bản số .../UBND-KTTH ngày ... (01 năm kể từ tháng 01/2010), số .../UBND-KTTH ngày (đến hết ngày 31/12/2015), số .../UBND-KTTH ngày ... (24 tháng kể từ ngày 14/7/2016).

- Ngày 09/7/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số .../SKHĐT-KTĐN về việc tạm ngừng hoạt động của dự án từ ngày 15/7/2020 đến ngày 15/7/2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 và do ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu nên doanh nghiệp không có đơn hàng.

Đến nay doanh nghiệp vẫn chưa khôi phục sản xuất và vẫn đang tạm ngừng hoạt động.

3. Dự án của Công ty

Đoàn kiểm tra đã phối hợp với đại diện Ủy ban nhân dân thành phố..... kiểm tra địa điểm thực hiện dự án ... của Công ty ... tại phường ..., thành phố ..., tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty không đến làm việc. Hiện trạng địa điểm thực hiện dự án là nhà dân, không có dự án ... của Công ty ...

4. Dự án ... của Công ty TNHH

Đoàn đã phối hợp với đại diện của Ủy ban nhân dân xã ... kiểm tra địa điểm thực hiện dự án của Công ty. Tại thời điểm kiểm tra, Doanh nghiệp chưa thực hiện dự án.

Theo giải trình của doanh nghiệp, nguyên nhân chưa triển khai dự án:

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận Quyết định chủ trương, ngày 15/3/2018 Công ty đã nộp hồ sơ xin biến động đất đai chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ...

- Ngày 17/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số .../UBND-KT về việc gia hạn chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Theo Biên bản làm việc ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thông báo hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai của Công ty sẽ tạm dừng chờ ý kiến kết luận của Đoàn kiểm toán Nhà nước theo Quyết định .../QĐKTNN ngày 11/12/2018. Sau khi có kết luận kiểm toán, Chi cục quản lý đất đai và Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tiếp tục giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Từ năm 2019 đến tháng 09/2021, Công ty đã nhiều lần liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai về tình hình phê duyệt thủ tục đăng ký biến động đất đai để có thể triển khai các thủ tục tiếp theo của dự án. Tuy nhiên, Văn phòng đăng ký đất đai vẫn chưa có hướng dẫn thực hiện.

- Ngày 19/11/2021, Văn phòng đăng ký đất đai có Văn bản số .../VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN với nội dung: Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số .../UBND-KT ngày 02/11/2021, tạm thời chưa giải quyết hồ sơ cho đến khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp của Công ty. Văn phòng đăng ký đất đai thông báo xếp hồ sơ đến khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đến thời điểm hiện nay, Văn phòng đăng ký đất đai vẫn chưa có thông báo hướng dẫn thực hiện dự án.

Công ty dự kiến thực hiện thủ tục gia hạn Quyết định chủ trương đầu tư; Tuy nhiên Công ty không biết được thời gian nào để có thể triển khai thực hiện dự án và có được tiếp tục thực hiện dự án hay không. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để Công ty có thể tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

5. Dự án của Công ty TNHH

Đoàn kiểm tra đã phối hợp với đại diện của Ủy ban nhân dân xã ... kiểm tra địa điểm thực hiện dự án. Tại thời điểm kiểm tra, nhà kho đang chứa thành phẩm của công ty.

Theo giải trình của Công ty, sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, Công ty đã tiến hành xây dựng nhà kho và đã đưa vào sử dụng vào cuối tháng 12/2021.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận:

Qua kiểm tra nhận thấy, việc triển khai thực hiện dự án của các doanh nghiệp còn một số tồn tại, hạn chế đã nêu tại Mục I phần thứ hai – kết quả kiểm tra.

II. Kiến nghị:

Căn cứ kết quả kiểm tra, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với Thanh tra Sở

Thanh tra Sở: Xử lý hành vi vi phạm hành chính Công ty TNHH với hành vi: Ngừng hoạt động của dự án đầu tư với tổng thời gian quá 12 tháng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

2. Đối với phòng Kinh tế đối ngoại:

- Hướng dẫn Công ty A; B thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về dự án đầu tư rà soát tình hình triển khai thực hiện dự án, các nội dung liên quan đến việc dự án không hoạt động tại địa điểm đã đăng ký, không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư tham mưu lãnh đạo Sở kiến nghị cấp thẩm quyền thực hiện chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định pháp luật.

3. Đối với các Công ty TNHH

1. Các doanh nghiệp có hành vi vi phạm nêu tại phần hai – kết quả kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Trường hợp nhà đầu tư quyết định ngừng hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 47 hoặc khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, đề nghị nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 56 hoặc điểm a, b khoản 2 Điều 57 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Trên đây là Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH A;
- Ban Giám đốc.

GIÁM ĐỐC

4. Ví dụ minh họa về Kết luận thanh tra hành chính; thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại và phòng chống tham nhũng

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Đơn vị A là cơ quan chuyên môn thuộc Sở, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ của ; Đơn vị A được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động chung của Sở Kế hoạch và Đầu tư được quy định tại Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 27/02/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

- Chức năng của Đơn vị A:

- Tại thời điểm 30/11/2023, Đơn vị A có 12 nhân sự gồm: 01 Lãnh đạo phụ trách và 11 chuyên viên (05 công chức, 03 viên chức, 04 hợp đồng). Đến thời điểm thanh tra ngày 01/4/2024, Phòng có 11 nhân sự gồm: 02 Lãnh đạo phụ trách, 09 chuyên viên (03 công chức, 03 viên chức, 03 hợp đồng).

II. VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Ban hành quy chế làm việc tại quyết định số ... ngày 02/7/2018 của Đơn vị A.

2. Ban hành quy trình giải quyết công việc tại quyết định số ngày 02/11/2022 của Đơn vị A.

3. Ban hành quy trình trả kết quả hồ sơ tại quyết định số... ngày 12/4/2022 của Đơn vị A.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG (TTHCC), CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG (DVHCC) CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước, của đơn vị về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ hành chính công (DVHCC) cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra.

a) Những mặt đạt được:

- Đơn vị A đã tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến¹⁸, quán triệt các quy định của Nhà nước về trách nhiệm công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho người dân và doanh nghiệp biết để thực hiện. Công

¹⁸ Hình thức tuyên truyền được thực hiện tại các văn bản sau:

chức, viên chức của Đơn vị A có ý thức trách nhiệm trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cho doanh nghiệp; lãnh đạo Đơn vị thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức, viên chức, người lao động chính đôn tác phong, lễ lối làm việc trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ của doanh nghiệp.

- Các quy định về PCTN, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Sở đã được Đơn vị triển khai đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong công tác PCTN, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả.

- Phối hợp Văn phòng Sở thực hiện việc rà soát, đề xuất đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Đơn vị tại Công văn số ngày 22/9/2023. Thực hiện các quy định về rà soát danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến (toàn trình, một phần), cụ thể: 78 TTHC thuộc lĩnh vực đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đã triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trực tuyến trên Hệ thống

b) Những mặt tồn tại, hạn chế:

- Đơn vị A ban hành Quy chế làm việc tại Quyết định số ... ngày 02/7/2018, tuy nhiên đến nay có một số nội dung không còn phù hợp quy định hiện hành nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Chưa xây dựng Quy trình kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của doanh nghiệp thuộc chức năng quản lý nhà nước của Đơn vị.

- Chưa thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, do Hệ thống ... chưa được kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Việc kiểm soát, kiến nghị hoặc ban hành theo thẩm quyền để loại bỏ hoặc chỉnh sửa TTHC không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bổ sung thủ tục hành chính cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tế

Hàng năm, Đơn vị A có tổ chức rà soát, ban hành văn bản và phối hợp Văn phòng Sở thực hiện rà soát các quy định, thủ tục hành chính gây khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục, cụ thể:

- Năm 2021, có Công văn số ... ngày 22/11/2021 gửi Văn phòng Sở tổng hợp việc rà soát TTHC, trong đó: cập nhật, sửa đổi 17 TTHC đã được công bố tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Năm 2022, tổ chức thực hiện rà soát TTHC thuộc lĩnh vực quản lý của Đơn vị và đã phối hợp Văn phòng tham mưu lãnh đạo báo cáo UBND tỉnh tại Văn bản số 3906/SKHĐT-VP ngày 27/12/2021.

- Năm 2023, có Công văn số ... ngày 15/6/2023 gửi Văn phòng Sở tổng hợp việc rà soát TTHC cắt giảm quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết TTHC, đơn

giản hóa TTHC nội bộ để cải thiện môi trường kinh doanh; trong đó, tổng số TTHC thuộc lĩnh vực của Đơn vị là 78 thủ tục.

3. Việc tổ chức vận hành bộ phận một cửa và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định

Thực hiện nhiệm vụ được phân công theo Quyết định số 16/QĐ-SKHĐT ngày 15/3/2021 của Giám đốc Sở ban hành Quy chế phối hợp giữa các phòng thuộc Sở trong việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Đơn vị A đã thực hiện công khai TTHC và kết quả giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử của Sở.

4. Việc công bố, công khai TTHC theo quy định; việc thực hiện công khai, minh bạch quá trình giải quyết; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC.

- Phối hợp Văn phòng Sở kịp thời rà soát, công khai TTHC, công khai địa chỉ, số điện thoại, số Fax, email và bảng tên của từng công chức phụ trách bộ phận một cửa của Sở để tiếp nhận và xử lý hồ sơ và những kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân gửi đến.

- Công khai TTHC và kết quả giải quyết TTHC trên Website của Sở: <https://sokhdt.binhduong.gov.vn>; phối hợp Văn phòng Sở công khai Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố sửa đổi thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý; tiếp nhận và xử lý hồ sơ doanh nghiệp tại Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia: <http://10.1.42.7:81/basic>. Đến cuối năm 2023, tỷ lệ hồ sơ nộp qua mạng đạt trên 98%.

- Tại thời điểm thanh tra, Đơn vị A có 78 TTHC thuộc lĩnh vực ... và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở: <http://sokhdt.binhduong.gov.vn>.

- Triển khai thực hiện trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; đồng thời công khai kết quả giải quyết TTHC tại website của Sở.

- Số hóa hồ sơ: Đơn vị A đã thực hiện số hóa tất cả hồ sơ từ trước năm 2016 và đang thực hiện đồng bộ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đối với hồ sơ hiện tại tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống thông tin quốc gia về, Đơn vị thực hiện triển khai số hóa theo phần mềm chuyên ngành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, Hệ thống thông tin quốc gia về ... chưa được kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nên trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh không thể hiện số liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Về việc số hóa kết quả: Đơn vị chưa thực hiện được trong thời kỳ thanh tra,

do hệ thống xử lý hồ sơ ... chưa hỗ trợ chức năng xử lý. Hiện tại, việc thực hiện ký số trên Giấy chứng nhận đang trong giai đoạn thử nghiệm, chưa hiệu quả. Nguyên nhân, hệ thống chưa đáp ứng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, chưa có pháp lý quy định về trình tự thực hiện sao y và mức phí sao y giấy chứng nhận ...

5. Việc kiểm tra, đôn đốc, xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức.

Trong thời kỳ thanh tra, Đơn vị đã cơ bản thực hiện đúng quy định về công tác giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức. Đồng thời, đã ban hành quy trình trả kết quả tại Quyết định số ... ngày 12/4/2022; ban hành thông báo số ... ngày 22/6/2023 về việc chấn chỉnh công tác giải quyết TTHC, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động.

II. VỀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho cá nhân, tổ chức, qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy còn một số tồn tại như sau:

a) Tổng số hồ sơ tiếp nhận¹⁹ là 143.369 hồ sơ, chủ yếu là tiếp nhận thông qua hình thức trực tuyến (có 142 hồ sơ tiếp nhận trước ngày 15/7/2021 chuyển sang), trong đó, tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 131.234 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết quá hạn là 11.514 hồ sơ (chiếm tỷ lệ hơn 8% tổng số hồ sơ tiếp nhận); số hồ sơ đang giải quyết tại thời điểm 30/11/2023 là 621 hồ sơ. Kết quả giải quyết TTHC được cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ: <http://sokhdt.binhduong.gov.vn> để doanh nghiệp tiện theo dõi. Tuy nhiên, nhiều trường hợp xử lý hồ sơ quá hạn, Đơn vị chưa thực hiện Thư xin lỗi về TTHC giải quyết trễ hạn, chưa thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

Theo giải trình của Đơn vị, nguyên nhân hồ sơ giải quyết trễ hạn là do số lượng hồ sơ nhiều, mặc dù Đơn vị đã tăng cường huy động nhân lực và cố gắng, nỗ lực làm việc ngoài giờ hành chính nhưng với số lượng nhân sự hạn chế nên không thể giải quyết hết hồ sơ đã đăng ký. Bên cạnh đó, đường truyền hệ thống mạng nội bộ đôi khi chưa ổn định, có lúc không truy cập được đã ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ.

b) Đoàn thanh tra chọn xác suất một số hồ sơ để thực hiện đánh giá, cụ thể:

Đối với 20 hồ sơ giải quyết TTHC nhận thấy, có 09/20 hồ sơ còn chậm trễ, sai sót, cụ thể:

- 03/20 hồ sơ xử lý trễ hạn (Công ty TNHH ...: trễ 01 ngày, Công ty TNHH ...: trễ 01 ngày, Công ty TNHH: trễ 02 ngày).

- 01/20 hồ sơ ra Thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung hồ sơ nhưng không nêu rõ

¹⁹Từ 15/7/2021 đến ngày 30/11/2023

nội dung sửa đổi, căn cứ quy định pháp luật để yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

....

2. Trách nhiệm công vụ của công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC.

Việc tiếp nhận và xử lý các TTHC của Đơn vị tương đối đầy đủ, tuân thủ về trình tự thủ tục, đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế một số hồ sơ liên quan đến lĩnh vực cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Đối với 03 hồ sơ quá hạn giải quyết, Đơn vị không thực hiện Thư xin lỗi về thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

....

3. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN)

- Việc tuân thủ quy định trong việc tiếp nhận và xử lý PAKN về quy định và hành vi hành chính: Đơn vị luôn tuân thủ quy định khi được phân công giải quyết PAKN.

Tổng số đã tiếp nhận 49 đơn; số đã xử lý đúng hạn 34 đơn; số đã xử lý quá hạn 15 đơn; số đang xử lý 0.

Đơn thư chủ yếu được tiếp nhận qua đường bưu điện; nội dung đơn đa số là việc tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

- Việc tuân thủ quy định trong việc tiếp nhận và xử lý PAKN về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ.

Tổng số đã tiếp nhận 11 PAKN trên Cổng dịch vụ công quốc gia; số đã xử lý đúng hạn 11 PAKN.

III. VIỆC THỰC HIỆN VĂN HÓA GIAO TIẾP, VĂN HÓA CÔNG SỞ

1. Lãnh đạo Đơn vị thường xuyên quán triệt nghiêm túc thực hiện công tác cải cách TTHC theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế văn hóa công sở và Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong bộ máy chính quyền địa phương; Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh về văn hóa công vụ và nội quy, quy chế cơ quan.

2. Tinh thần, thái độ làm việc của công chức, viên chức, người lao động

Với khối lượng công việc phát sinh hàng ngày tại Đơn vị, công chức, viên

chức, người lao động luôn nêu cao tinh thần, thái độ làm việc và có nhiều cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, vẫn còn trường hợp công chức, viên chức chậm trễ trong giải quyết TTHC và công việc chuyên môn, đôi khi còn rời khỏi vị trí làm việc, dẫn đến doanh nghiệp không liên hệ được để trao đổi thông tin; chưa chủ động tranh thủ thời gian khi làm việc, còn để doanh nghiệp chờ đợi lâu; trong giao tiếp với doanh nghiệp chưa thực sự khéo léo, mềm mỏng, còn để xảy ra lời nói to tiếng; hướng dẫn doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ không rõ ràng, cụ thể, bổ sung hồ sơ nhiều lần gây ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Đơn vị đã kịp thời ghi nhận nội dung doanh nghiệp phản ánh và thực hiện chấn chỉnh đối với công chức, viên chức về các nội dung bị phản ánh. Đồng thời, tham mưu Lãnh đạo Sở thực hiện luân chuyển sang bộ phận khác đối với công chức, viên chức vi phạm quy định nhiều lần.

3. Về chuẩn mực đạo đức, lối sống, giao tiếp, ứng xử của công chức, viên chức, người lao động

Lãnh đạo Đơn vị luôn quán triệt công chức, viên chức, người lao động của Đơn vị thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức, lối sống, giao tiếp, ứng xử trong giải quyết TTHC của Đơn vị.

4. Trang phục của công chức, viên chức, người lao động

Công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện nhiệm vụ chấp hành đúng quy định, phù hợp với đặc thù công việc, gọn gàng, lịch sự.

IV. VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Về việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân:

Trong kỳ báo cáo: không có công dân trực tiếp đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan đến Đơn vị. Hầu hết các đơn thư tiếp nhận trong kỳ đều được gửi đến qua đường bưu điện.

2. Việc thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại:

Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra 03/03 hồ sơ giải quyết khiếu nại của Đơn vị trong kỳ báo cáo (hồ sơ giải quyết khiếu nại của; hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông ...; hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông ...).

Các hồ sơ đã được Đơn vị giải quyết đúng hạn theo quy định.

3. Về việc thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng

Về công tác phòng chống tham nhũng, đến nay chưa phát hiện hành vi tham nhũng đối với công chức, viên chức, người lao động của Đơn vị.

C. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được:

Trong thời gian qua, với số lượng nhân sự được giao cho Đơn vị còn hạn chế, chưa tương xứng với số lượng hồ sơ phải xử lý tăng nhanh theo từng năm nhưng tập thể Đơn vị đã cố gắng, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ và đạt một số kết quả, cụ thể:

- Đơn vị đã quan tâm, tập trung chỉ đạo thực hiện công tác CCHC và việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức, viên chức, người lao động trong việc giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho người dân và doanh nghiệp, có xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện.

- Công tác kiểm soát TTHC có những chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả khả quan. Việc triển khai cơ chế một cửa, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo hệ thống TCVN ISO 9001: 2015 và hoạt động của Đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp nói riêng, công tác kiểm soát TTHC nói chung; chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày càng được cải thiện theo hướng nhanh, gọn, đơn giản, dễ thực hiện và thực hiện số hóa hồ sơ, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp được giải quyết đúng thời hạn quy định.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc công khai TTHC lĩnh vực; thực hiện rà soát, công bố quy trình ISO đối với các TTHC lĩnh vực theo danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tồn tại, hạn chế và trách nhiệm

a) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh các mặt tích cực đã đạt được, Đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế như đã nêu tại các Mục I, II, III phần B Kết quả thanh tra.

b) Trách nhiệm:

Để xảy ra những tồn tại, hạn chế nêu trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo Đơn vị và công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

II. KIẾN NGHỊ CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Kiến nghị Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo thực hiện các nội dung:

1. Chỉ đạo Đơn vị triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung sau:

a) Về khắc phục các hạn chế, khuyết điểm:

- Tổ chức rà soát, khắc phục và xử lý dứt điểm những tồn tại, hạn chế, sai sót đã nêu tại các Mục I, II, III phần B Kết quả thanh tra.

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ của tổ chức, cá nhân qua Bộ phận một cửa theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; tổ chức rà soát ban hành, sửa đổi bổ sung hoặc tham mưu cấp thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy trình, Bộ TTHC.... để triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ và xử lý đơn thư khiếu nại theo đúng quy định, tránh trường hợp để tồn đọng hồ sơ trễ hạn kéo dài gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, làm ảnh hưởng môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh và phát sinh khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

- Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức, viên chức, người lao động hạn chế tối đa việc tiếp nhận, thực hiện sai quy trình, thủ tục, thừa thành phần hồ sơ; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện sửa đổi, bổ sung không rõ ràng, cụ thể; sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần làm phát sinh việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trong việc giải quyết TTHC.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp từ Hệ thống ... với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm thống nhất dữ liệu, giải quyết, theo dõi kết quả xử lý hồ sơ và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiếp tục kiến nghị Cục ... về những khó khăn, vướng mắc trong việc ký số kết quả trên Hệ thống ... để sớm có giải pháp xử lý dứt điểm.

b) Về xử lý hành chính:

Chỉ đạo tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra các tồn tại, hạn chế, sai sót như Kết luận thanh tra đã nêu.

2. Xem xét, bổ sung cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp để đảm bảo nguồn lực cho Đơn vị xử lý công việc hiệu quả, góp phần giảm tải trong việc xử lý hồ sơ tồn đọng, trễ hạn như hiện nay và trong thời gian tới.

3. Giao Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp các phòng xây dựng và tham mưu lãnh đạo Sở ban hành quy chế công vụ của công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC; quy chế thực hiện văn hóa giao tiếp, văn hóa công sở; trong đó quy định rõ việc kiểm tra, giám sát của người đứng đầu nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC.

Trên đây là Kết luận thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại và phòng, chống tham nhũng tại Đơn vị A./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (thay báo cáo);
- Đơn vị A ;
- Giám đốc Sở (thay báo cáo);
- PGĐ Lê Thanh Toàn (thay báo cáo);
- Lưu: VT, hồ sơ ĐTT.

CHÁNH THANH TRA

Mục lục một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư

I. Lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

1. Lĩnh vực thanh tra

- Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022;
- Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thanh tra;
- Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;
- Thông tư số 06/TT-TTTP ngày 01/7/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định việc lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo;
- Thông tư số 07/TT-TTTP ngày 01/7/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

2. Lĩnh vực tiếp công dân

- Luật Tiếp Công dân số 42/2013/QH13 ngày 01/7/2014;
- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp Công dân;
- Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

3. Lĩnh vực khiếu nại

- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;
- Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

4. Lĩnh vực tố cáo

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018;
- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

5. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

- Luật Phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 01/7/2019;

- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng;

- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thông tư số 01/2024/TT-TTTP ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

II. Lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

- Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

III. Lĩnh vực đấu thầu

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

IV. Lĩnh vực đầu tư công

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

V. Lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

VI. Lĩnh vực đầu tư - PPP

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công, tư;

- Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công, tư;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

- Thông tư số 10/2024/TT-BKHĐT ngày 12/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

VII. Lĩnh vực xây dựng

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 01/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

VIII. Lĩnh vực Quy hoạch

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

IX. Lĩnh vực quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

- Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước.

X. Lĩnh vực Hợp tác xã

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

- Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ quy định về đăng ký tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.